

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ hai tháng/Edition bimestrielle Số N. 18 02/2004

Mê ngộ như ẩn hiển
Minh ám bất tương ly
Kim phó ẩn hiển pháp
Phi nhất diệt phi nhị.

*Mê ngộ như ẩn hiển
Sáng tối không lìa nhau
Nay truyền pháp ẩn hiển
Chẳng một cũng chẳng hai.*

Tổ thứ mười một Phú Na Dạ Xà Tôn Giả

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật pháp là ở đây.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous
permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mục Lục / Sommaire

<input type="checkbox"/> Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.	<input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 3
<input type="checkbox"/> Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Vén. Thích Minh Định.	<input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 6
<input type="checkbox"/> Kỹ thuật máy vi tính / Technicien de l'ordinateur : Đỗ Lưu Vương.	<input type="checkbox"/> Kinh Lăng Nghiêm 9
<input type="checkbox"/> Phụ tá đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Chú Hoàng Minh, Trần Xuân Tiến, Cô Hiếu Thảo, Cô Hạnh, Phan Ngọc Anh.	<input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 12
<input type="checkbox"/> Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiém Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.	<input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 14
<input type="checkbox"/> Ban phát hành : Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Diệp Văn Thọ, Cô Vi, Cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hào, Cô Cẩm Vân, Fahmat Fakine, Nguyễn Thị Kim Liên.	<input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 16
<input type="checkbox"/> Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Thiên Thất Khai Thị 18
<input type="checkbox"/> Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.	<input type="checkbox"/> Mật Thân Người 21
<input type="checkbox"/> La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.	<input type="checkbox"/> Xin Bồ Tát Làm Tiêu Độc ... 22
<input type="checkbox"/> Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Kinh Nhân Quả Ba Đời 23
<input type="checkbox"/> Mọi chi tiết xin liên lạc về : Chùa/Pagode Kim Quang 8 B rue Fontaine 93000 Bobigny - France Tel./fax : 01.48.50.98.66 kimquang@free.fr kimquangtu@hotmail.com	<input type="checkbox"/> Có Làm Có Chịu 24
	<input type="checkbox"/> Hãy Học Cho Giỏi ... 25
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 30
	<input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 33
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna 35
	<input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra ... 37
	<input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 39
	<input type="checkbox"/> Le Sutra De La Cause ... 41
	<input type="checkbox"/> Prions Le Bodhisattva ... 42
	<input type="checkbox"/> Comprendre et Pratiquer ... 44
	<input type="checkbox"/> On Récolte Ce Qu'On A Semé 45
	<input type="checkbox"/> Améliorer La Vertu Est Digne ... 47
	<input type="checkbox"/> Les Termes Bouddhistes 48
	<input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie ... 49
	<input type="checkbox"/> L'Histoire Du Bouddha 51

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Kinh văn :

Lại có vô lượng Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương. Đó là Thiên Vương Đắc Tự Tại. Thiên Vương Diệu Mục Chủ. Thiên Vương Diệu Quan Tràng. Thiên Vương Dũng Mãnh Huệ. Thiên Vương Diệu Âm Cú. Thiên Vương Diệu Quang Tràng. Thiên Vương Tịch Tĩnh Cảnh Giới Môn. Thiên Vương Diệu Luân Trang Nghiêm Tràng. Thiên Vương. Hoa Nhị Huệ Tự Tại. Thiên Vương Nhân Đà La Lực Diệu Trang Nghiêm Quang Minh.

Giảng giải :

Lại có vô lượng vô biên Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương. Thiên Vương này có thể biến hóa âm nhạc của các cõi trời khác về chỗ của mình để thưởng thức hưởng thụ. Các vị Thiên Vương này đem khoá lạc của người làm khoá lạc của chính mình, biểu thị đắc được tự tại. Đây là tầng trời cao nhất của dục giới, cũng là cõi trời khoá lạc nhất. Vì khoá lạc nhất cho nên rất dễ khiến cho người tham thiền định lực không đủ, dễ bị đọa lạc ở trong sáu nẻo. Chỗ tu đạo lý tưởng nhất là ở tại nhân gian. Tại nhân gian khổ nhiều vui ít, khiến cho người tu hành tinh tấn, do đó có câu : “ Thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó nghe nay đã nghe, đời nay không độ được thân này, còn đợi bao giờ độ thân này.” Hai câu trước đã được rồi, còn hai câu sau phải thiết thật tu hành.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Đắc Tự Tại. Vì vị này đắc được tự do tự tại, vô câu vô thúc, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Diệu Mục Chủ. Vì mắt của vị này mỹ diệu phi thường, là chủ của ngũ quan, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Diệu Quan Tràng. Vì vị này đội mũ vua rất mỹ lệ, giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Dũng Mãnh Huệ. Vì vị này có trí huệ rất dũng mãnh tinh tấn hướng về phía trước, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Diệu Âm Cú. Vì vị này có âm thanh rất mỹ diệu và êm tai, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Diệu Quang Tràng. Vì diệu quang minh của vị này phóng ra trang nghiêm giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Tịch Tĩnh Cảnh Giới Môn. Vì vị này có định lực, bất cứ cảnh giới gì đến cũng đều không động tâm, tĩnh như mặt hồ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Diệu Luân Trang Nghiêm Tràng. Vì vị này có bánh xe thần diệu bất khả tư nghì trang nghiêm như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Hoa Nhị Huệ Tự Tại. Vì vị này có trí huệ liên hoa nhị, tự tại phi thường, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Nhân Đà La Lực Diệu Trang Nghiêm Quang Minh. Vì vị này có lực lượng rất tôn trọng, mới có trí huệ quang minh vi diệu trang nghiêm, cho nên được tên này.

Kinh văn :

Có vô lượng số như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng tu tập pháp môn tự tại phượng tiện rộng lớn.

Giảng giải :

Mười vị Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương này làm thượng thủ trong Thiên Vương, ngoài còn có vô lượng vô biên Thiên Vương.

Những vị Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương này đều siêng tinh tấn tu tập pháp môn tự tại phượng tiện rộng lớn vô ngại. Ở trên là chúng thứ bảy Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương. Bây giờ đã giảng xong tên của bảy chúng của cõi Dục giới. Dưới đây là

giải thích tiếp theo tên của năm chúng thuộc về Sắc giới.

Kinh văn :

Lại có các vị Đại Phạm Thiên Vương số nhiều không thể đếm được : Đó là Thiên Vương Thi Khí. Thiên Vương Huệ Quang. Thiên Vương Thiện Huệ Quang Minh. Thiên Vương Phổ Văn Âm. Thiên Vương Quán Thế Ngôn Âm Tự Tại. Thiên Vương Tịch Tĩnh Quang Minh Nhãn. Thiên Vương Quang Biến Thập Phương. Thiên Vương Biến Hóa Âm. Thiên Vương Quang Minh Chiếu Diệu Nhãn. Thiên Vương Duyệt Ý Hải Âm.

Giải thích :

Lại có Đại Phạm Thiên Vương số nhiều không thể đếm được. Phạm dịch là tịch tĩnh thanh tịnh, tức là thanh khiết tịch tĩnh ly dục không nhiễm. Đại Phạm Thiên Vương là trời thứ ba thuộc về Sắc giới, cũng là trời thứ ba trong trời Sơ thiên.

Thiên Vương Đại Phạm Thiên tên là Thi Khí dịch là trì kế, vì trên đầu của vị này có nhục kế, dung mạo giống như đồng tử, thân màu bạch ngân, y phục màu hoàng kim, dùng thiền duyệt làm thức ăn, pháp hỷ làm lạc. Vị này tin sâu chánh pháp, hoàng dương chánh pháp. Mỗi khi Phật ra đời thì vị này trước tiên đến thỉnh Phật chuyển đại pháp luân.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Thi Khí. Vì vị này tu hạnh thanh tịnh, đoạn dâm tuyệt dục, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Huệ Quang. Vì vị này có trí huệ quang chiếu khắp tất cả, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Thiện Huệ Quang Minh. Vì vị này có trí huệ quang minh toàn thiện nhất, thanh tịnh nhất, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Phổ Âm Văn. Vì vị này có âm thanh như sấm sét, vang khắp hư không, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Quán Thế Ngôn Âm Tự Tại. Vì vị này tự tại không động tòa ngồi mà quán sát được ngôn ngữ và âm thanh của tất cả thế giới, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Tịch Tĩnh Quang Minh Nhãn. Vì vị này tu thiền na tam muội, do đó vừa tịch tĩnh vừa quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Quang Biến Thập Phương. Vì trí huệ quang minh của vị này chiếu sáng mười phương thế giới, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Biến Hóa Âm. Vì vị này có thể dùng một thứ âm thanh biến hóa làm các thứ âm thanh, tùy sở nghe âm thanh của chúng sinh mà biến hóa ra, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Quang Minh Chiếu Diệu Nhãn. Vì vị này khiến cho chúng sinh đắc được sự chiếu sáng của quang minh, sinh ra một thứ khoái lạc, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Duyệt Ý Hải Âm. Vì vị này khiến cho chúng sinh nghe đến âm thanh như biển cả mà sinh ra tâm đại hoan hỷ, cho nên được tên này.

Kinh văn :

Có các vị Đại Phạm Thiên Vương số nhiều bất khả xưng như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều đầy đủ tâm đại từ bi, thương xót chúng sinh, phóng quang chiếu khắp khiến cho chúng sinh đắc được khoái lạc.

Giải thích :

Mười vị Đại Phạm Thiên Vương này làm thượng thủ trong Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên Đại Phạm Thiên Vương không thể tính đếm được.

Những vị Thiên Vương này đều có đủ tâm đại từ đại bi, ái hộ tất cả chúng sinh, thương xót tất cả chúng sinh, cho nên phát tâm cứu chúng sinh ly khổ đặc lạc, cho nên phóng đại quang minh chiếu khắp chúng sinh đáng độ được, khiến cho họ đều đắc được thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Ở trên là chúng thứ tám Đại Phạm Thiên Vương.

Kinh văn :

Lại có vô lượng Quang Âm Thiên Vương. Đó là : Thiên Vương Khả Ái Lạc Quang Minh. Thiên Vương Thanh Tịnh Diệu Quang. Thiên Vương Năng Tự Tại Âm. Thiên Vương Tối Thắng Niệm Trí. Thiên Vương Khả Ái Lạc Thanh Tịnh Diệu Âm. Thiên Vương Thiện Tư Duy Âm. Thiên Vương Phổ Âm Biến Chiếu. Thiên Vương Thâm Thâm Quang Âm. Thiên Vương Vô

Cấu Xung Quang Minh. Thiên Vương Tối Thắng Tịnh Quang.

Giải :

Lại có vô lượng vô biên Quang Âm Thiên Vương. Quang âm nghĩa là dùng quang để thay thế âm thanh. Quang Âm Thiên là trời thứ ba đệ Nhị thiên, tức cũng là trời thứ sáu thuộc về Sắc giới. Chư thiên cõi trời này, từ miệng phóng quang, người thấy được quang này liền biết là ý nghĩa gì. Họ chẳng có lời nói, chẳng có vọng tưởng. Họ dùng thân tâm phóng ra trí tuệ quang minh để giáo hóa chúng sinh, thần thông của họ hóa hiện tất cả. Khi bị hỏa tai thì lửa thiêu đến trời Sơ thiên. Chư thiên cõi này đến Quang Âm Thiên tị nạn. Đợi kiếp thành thì Quang Âm Thiên Vương dùng sức thần thông hàng mưa lớn để dập tắt lửa mà thành thế giới. Lúc đó chư thiên trời Quang Âm bèn đến thế giới để khuyên con người hướng thiện.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Khả Ái Lạc Quang Minh. Vì quang minh của vị này phóng ra thanh tịnh khả ái phi thường, khiến cho chúng sinh đều sinh hoan hỷ, cho nên được tên này

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Thanh Tịnh Diệu Quang. Vì quang minh của vị này phóng ra thanh tịnh vi diệu, khiến cho chúng sinh trí huệ ngày càng tăng trưởng, thân tâm đắc được thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Năng Tự Tại Âm. Vì âm thanh của vị này tự tại, cũng khiến cho chúng sinh đắc được tự tại, không khổ không sầu, không sinh không diệt, thành tựu giải thoát cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Tối Thắng Niệm Trí. Vì vị này có trí huệ thù thắng nhất, viên mãn nhất, khiến cho chúng sinh sanh ra tâm niệm thường niệm Tam Bảo, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Khả Ái Lạc Thanh Tịnh Diệu Âm. Vì diệu âm của vị này khiến cho chúng sinh đắc được an lạc, chẳng có phiền não, trong tâm thanh tịnh, chẳng có vọng tưởng, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Thiện Tư Duy Âm. Vì âm thanh của vị này khiến cho chúng sinh nghe đến khéo tư duy bèn không suy nghĩ việc ác nữa mà phát bồ đề tâm, sinh ra trí huệ giác ngộ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Phổ Âm Biến Chiếu. Vì diệu âm của vị này chiếu sáng khắp tất cả chúng sinh, khiến cho họ đắc được quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Thâm Thâm Quang Âm. Vì vị này ái hộ chúng sinh phi thường, vị này dùng quang minh và âm thanh để giáo hóa chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Vô Cấu Xung Quang Minh. Vì quang minh của vị này thanh tịnh chẳng có trần cấu, chiếu khắp chúng sinh, chúng sinh cần bao nhiêu thì dùng bấy nhiêu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Tối Thắng Tịnh Quang. Vì vị này có quang minh thù thắng nhất, thanh tịnh nhất, chiếu sáng tất cả chúng sinh, cho nên được tên này.

Kinh văn :

Có vô lượng số Quang Âm Thiên Vương như vậy làm thượng thủ, các vị này đều trụ pháp môn vô ngại hỷ lạc tịch tĩnh rộng lớn.

Giải :

Mười vị Quang Âm Thiên Vương này làm thượng thủ trong Quang Âm Thiên. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên bất khả tư nghì số Quang Âm Thiên Vương.

Những vị Quang Âm Thiên Vương này đều đắc được pháp môn vô ngại hỷ lạc tịch tĩnh rộng lớn. Rộng lớn tức là vô ngại, hỷ lạc tức là tịch tĩnh. Rộng lớn là tán, tịch tĩnh là định. Bất cứ tán cũng ở trong định, định cũng ở trong định. Các vị ấy không thể xả động mà cầu tĩnh, cho nên gọi là rộng lớn. Các vị ấy đắc được vị thiên mà chẳng chấp trước vị thiên, cho nên vô ngại. Đó là pháp môn vô ngại. Ở trên là chúng thứ chín tên của mười vị Quang Âm Thiên Vương.

Kinh văn :

Lại Có Vô Lượng Biến Tịnh Thiên Vương. Đó là : Thiên Vương Thanh Tịnh Danh Xung. Thiên Vương Tối Thắng Kiến. Thiên Vương Tịch Tĩnh Đức. Thiên Vương Tu Di Âm. Thiên Vương Tịnh Niệm Nhân. Thiên Vương Khả Ái Lạc Tối Thắng Quang Chiếu. Thiên Vương Thế Gian Tự Tại Chủ.

Thiên Vương Quang Diệm Tự Tại. Thiên Vương Lạc Tư Duy Pháp Biến Hóa. Thiên Vương Biến Hóa Tràng. Thiên Vương Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm.

Giải thích :

Lại có vô lượng vô biên Biến Tịnh Thiên Vương. Biến tịnh là hoàn toàn chẳng có tâm hoan hỷ, đặc được diệu lạc thuần chân thanh tịnh. Biến Tịnh Thiên là trời thứ ba đệ Tam Thiên, tức cũng là trời thứ chín thuộc Sắc giới. Cõi trời này khoái lạc nhất, rất dễ khiến cho thiên giả đọa lạc, cho nên một số thiên giả không tu thiên định này, mà cấp tốc đến trời Tứ Thiên. Cuối thời kỳ sáu mươi bốn đại kiếp sẽ có nạn gió lớn. Nạn gió lớn này san bằng cõi trời Tam Thiên, ngoài ra các cõi trời khác cũng không tránh khỏi đại kiếp này, do đó “ Chư thiên sáu cõi trời Dục giới đủ năm điều suy, trời Tam thiên có nạn gió, nếu tu đến trời Phi Phi Tướng, chẳng bằng đi đến cõi Tây Phương.” Từ bài kệ này chúng ta thấy pháp môn niệm Phật rất thuận tiện và quan trọng, không lãng phí thì giờ mà chắc chắn được vãng sinh.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Thanh Tịnh Danh Xưng. Vì vị này đã đắc được trí huệ thanh tịnh, nhìn thủng đối với các pháp nhiễm ô, buông đặng, danh đồn của vị này truyền khắp thế gian, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Tối Thắng Kiến. Vì kiến giải của vị này thù thắng nhất, thông minh nhất, đều là chánh tri chánh kiến mà chẳng có tà tri tà kiến, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Tịch Tĩnh Đức. Vì vị này có đức hạnh tam muội thiên định thanh tịnh, làm tất cả việc thiện, không để cho ai biết, tức là mật hạnh. Người xưa nói “ Việc thiện mà muốn cho người thấy chẳng phải là chân thiện. Việc ác mà sợ người biết là đại ác.” Chúng ta là người tu đạo, nên ghi khắc hai câu này làm châm ngôn. Phải minh bạch chân nghĩa tịch tĩnh, đừng dụng công phu ở trên danh lợi, phải từ bỏ danh lợi thì sẽ đắc được tịch tĩnh đức, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Tu Di Âm. Vì âm thanh của vị này cao diệu phi thường, khiến cho tất cả chúng sinh nghe được pháp âm, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Tịnh Niệm Nhân. Vì vị này khai mở ngũ nhãn, chỉ thấy pháp thanh tịnh, không thấy pháp nhiễm ô, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Khả Ái Lạc Tối Thắng Quang Chiếu. Vì vị này có trí huệ quang thù thắng nhất, bất cứ chiếu đến ai thì người đó minh tâm thanh tịnh khoái lạc khả ái, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Thế Gian Tự Tại Chủ. Vì vị này khiến cho tất cả chúng sinh đắc được tự tại và bình an, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Quang Diệm Tự Tại. Vì quang minh của vị này tuy mãnh liệt như lửa ngọn, nhưng rất mát mẻ tự tại, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Lạc Tư Duy Pháp Biến Hóa. Vì vị này tu pháp châu như ý, biến hóa tùy theo ý muốn, muốn dùng pháp gì thì biến pháp đó, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Biến Hóa Tràng. Vì vị này biến hóa ra được đủ thứ tràng báu, vừa sáng vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười một là Tinh Tú Âm Diệu Trang Nghiêm. Vì vị này có diệu âm nhị thập bát tú, trang nghiêm và vi diệu, cho nên được tên này. (còn tiếp)

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Lão Hoà Thượng Hư Vân đã từng phát nguyện đi ba bước lạy một lạy, từ Nam Hải núi Phổ Đà lạy đến núi Ngũ Đài, cầu sự cảm ứng của Bồ Tát Văn Thù khiến cho Ngài cũng đắc được đại trí huệ. Lộ trình ba bước một lạy dài khoảng năm sáu ngàn dặm, bạn nói phải lạy bao lâu mới xong ? Là một đoạn thời gian rất dài, nếu muốn biết tỉ mỉ thì hãy xem quyển Hư Vân Lão Hoà Thượng Niên Phổ, hoặc là Họa Truyện. Trong đó có một đoạn như thế này : Tức là Ngài Hư Vân lạy đến sông Hoàng Hà thì vào lúc mùa đông tuyết xuống quá nhiều, mới tá túc cạnh bờ sông trong một cái sạp để tránh tuyết rơi, trải qua mấy ngày tuyết từ từ bớt dần, Ngài cũng đói rã rượi, gần như sắp chết. Lúc đó có một vị ăn mày đến, lấy củi che chung quanh cái sạp, nỏ lửa nấu cháo gạo vàng, dâng cho Hoà Thượng dùng. Ăn xong thì hồi phục sức lại, Ngài Hư Vân mới hỏi vị ăn mày tên họ và từ đâu đến. Vị ăn mày nói : "Họ Văn tên Cát, đến từ núi Ngũ Đài, ai cũng đều biết tôi." Sau đó vị ăn mày này mang hành lý cho Ngài Hư Vân, Ngài Hư Vân thì ba bước một lạy rất là thuận tiện.

Trên đường đi, có khi vào chùa tá túc, nhưng Hoà Thượng trong chùa chuyên môn khinh khi vị ăn mày này, lại mắng Ngài Hư Vân : "Ông lẽ lạy thì lẽ lạy, sao còn dẫn kẻ ăn mày đi theo!" Ngài Hư Vân bị người mắng chưởi, còn vị ăn mày lại càng bị người mắng chưởi, thậm chí không cho vị ăn mày ngủ ở trong chùa, bị đuổi ra khỏi chùa. Vị ăn mày nói với Ngài Hư Vân : "Từ đây còn cách núi Ngũ Đài chẳng bao xa, tôi đi về trước, ông từ từ đến, hành lý của ông chẳng bao lâu sẽ có người mang lên núi cho ông." Quả nhiên giữa đường Ngài Hư Vân gặp một vị quan đánh xe ngựa giúp Ngài mang hành lý đến núi Ngũ Đài, còn Ngài Hư Vân thì ba bước một lạy. Khi đến núi Ngũ Đài thì mới hỏi các vị Hoà Thượng của núi Ngũ Đài có biết một vị ăn mày tên là Văn Cát chăng ! Nhưng chẳng có ai biết, sau đó mới kể cho một vị Tăng nghe thì vị Tăng chấp tay lại nói :

"Đó là hóa thân của Bồ Tát Văn Thù !" (Văn là Văn Thù, Cát là Diệu Cát Tường.)

Ngài Hư Vân lạy Bồ Tát Văn Thù được sự cảm ứng của Bồ Tát Văn Thù đến giúp đỡ Ngài. Ngài với Bồ Tát ở chung khá lâu nhưng cũng chẳng biết, kết quả sau này mới biết là Bồ Tát Văn Thù hiển thánh, thế mà chẳng nhận ra. Cho nên "diệu xử" của Bồ Tát Văn Thù là không thể nghĩ bàn. Vì chỗ diệu của Ngài cho nên hóa thành một kẻ ăn mày. Nếu Ngài biến thành một ông trưởng giả giàu hoặc đánh xe ngựa đến giúp đỡ Hoà Thượng cũng có thể được. Nhưng Ngài không làm như thế ! Ngài cũng nguyện theo Hoà Thượng chịu khổ. Cho nên đó là đại trí đại huệ của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là vị Bồ Tát rất đặc thù, khi Ngài ra đời thì có mười điều cát tường phát sinh, chẳng giống các vị Bồ Tát khác. Bồ Tát Văn Thù là bậc đại trí huệ, có bạn sẽ hỏi : "Vậy Tôn Giả Xá Lợi Phất cũng là bậc đại trí huệ, giữa Bồ Tát Văn Thù và Ngài Xá Lợi Phất có gì khác biệt ?" Trí huệ của Bồ Tát Văn Thù là thật trí, trí huệ đại thừa, còn trí huệ của Tôn Giả Xá Lợi Phất là quyền trí, trí huệ tiểu thừa. Sau đây là mười điều cát tường phát sinh khi Bồ Tát Văn Thù ra đời.

1. **Quang minh đầy phòng** : Quang minh này sáng hơn bất cứ ánh sáng đèn gì, đại biểu đại trí huệ của Bồ Tát.
2. **Cam lồ đầy sân** : Cam lồ là một thứ nước bất khả tư nghi, có thể trị lành đủ thứ bệnh, nếu ai uống được nước đó thì chẳng bị uy hiếp về khổ sinh, già, bệnh, chết.
3. **Đất vọt lên bảy báu** : Bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não. Tại sao bảy báu vọt lên ? Vì Bồ Tát Văn Thù đã tu lục độ vạn hạnh hết sức cứu kính viên mãn, cho nên

Ngài đến đâu cũng đều cảm ứng châu báu từ dưới đất xuất hiện.

4. **Thần thông khai mở bảo tàng** : Sức đại thần thông của Bồ Tát Văn Thù khiến cho đất nứt ra mà lộ ra bảo tàng ẩn náu ở dưới đất, đây chẳng giống đất vọt lên bảy báu như điều thứ ba ở trên, ở đây đất nứt xé ra mà hiển lộ ra bảo tàng.

5. **Gà sinh phụng hoàng** : Đìềm này càng chẳng tầm thường so với đìềm vừa rồi ở trên. Kỳ thật thì gà chỉ sinh gà, nhưng vì Bồ Tát Văn Thù ra đời là việc phi thường đặc thù, cho nên trứng gà nở ra phụng hoàng (phụng hoàng là thần của loài chim).

6. **Heo sinh rồng con** : Đìềm cát tường này càng lạ kỳ ít thấy hơn gà sinh phụng hoàng. Nếu bạn đã cảm thấy quá bất khả tư nghì thì hãy xem mấy đìềm dưới đây nữa.

7. **Ngựa sinh kì lân** : Kì lân, thân nai đuôi bò, một sừng. Ngựa mà sinh kì lân là điều hiếm có trên đời.

8. **Bò sinh bạch trạch** : Bạch trạch là tên của loài thần thú, biết nói. Là một loài thần thú hiếm có vô cùng mà cát tường, chẳng giống bò cũng chẳng giống ngựa.

9. **Thóc biến thành vàng**. Các bạn nghĩ có kì dị chẳng ? Có những người cho rằng thật là quá kì dị, cho nên không tin. Nếu bạn không tin là vì bạn chẳng minh bạch. Nếu bạn minh bạch thì chẳng có nghi vấn gì, trước kia chắc chắn bạn chưa nghe qua những việc này, cho nên làm sao bạn tin được. Bất quá thế giới này quá rộng lớn mà những gì chúng ta thấy nghe đều có hạn, vì chúng ta chưa nghe qua những hiện tượng kì dị này, khi thóc chuyển biến thành thóc bằng vàng rồi thì không thể làm vật ăn nữa, nhưng đó chỉ là số ít.

10. **Voi đủ sáu ngà** : Thông thường chúng ta chỉ biết voi có hai ngà. Nhưng khi Bồ Tát Văn Thù ra đời thì voi đều mọc ra sáu cái ngà, bạn nói đó có kì lạ chẳng ?

Có vị cư sĩ hỏi : "Tại sao voi đủ sáu ngà ?" Sáu ngà là tượng trưng cho sáu độ (lục độ), voi là đại biểu cho vạn hạnh.

Đó là mười đìềm cát tường hiển hiện khi Bồ Tát Văn Thù ra đời, đó cũng là biểu hiện Ngài thuyết pháp biện tài vô ngại. Bồ Tát Văn Thù trí huệ đệ nhất trong chúng Bồ Tát, đầy đủ dũng mãnh thật trí, thuyết pháp viên dung vô ngại. Nếu như các bạn nghe được Bồ Tát Văn Thù thuyết pháp thì các bạn sẽ thấy sự giảng pháp của tôi còn thua Ngài xa lắm, vì chẳng cách chi so sánh được. Hoặc có bạn sẽ

nói : "Chúng con rất thích Hoà Thượng giảng pháp, chúng con cảm thấy Hoà Thượng giảng rất hay." Nhưng nếu quý vị nghe được sự giảng pháp của Bồ Tát Văn Thù thì sẽ biết không thể sánh với Ngài được.

Bồ Tát Quán Thế Âm. Danh hiệu của Ngài là Quán Tự Tại. Quán Thế Âm là quán sát âm thanh của thế gian. Chúng ta đều biết Ngài, vì Ngài từ bi nhất, như tình thương của người mẹ hiến ban cho chúng sinh tất cả sở cầu. Cho nên tại Trung Quốc có câu liễu rằng : Nhà nhà Quán Âm, cửa cửa Di Đà Phật. Bồ Tát Quán Thế Âm là đệ tử lớn của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là giáo chủ cõi phương tây thế giới Cực Lạc. Bên trái của Ngài là Bồ Tát Quán Thế Âm, bên phải của Ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí. Đó là tây phương Tam Thánh. Khi Phật A Di Đà hết làm giáo chủ thì Bồ Tát Quán Thế Âm lên thay thế làm giáo chủ, sau đó khi Bồ Tát Quán Thế Âm hết làm giáo chủ thì Bồ Tát Đại Thế Chí lên thay thế làm giáo chủ.

Vì Bồ Tát Quán Thế Âm thường hóa hiện vô lượng số thân hình để cứu độ khổ nạn của chúng sinh cho nên Ngài có danh hiệu là Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài dùng ngàn con mắt chiếu soi Chúng sinh trôi nổi trong biển khổ, cho nên dùng ngàn tay để cứu vớt chúng sinh lìa khỏi biển khổ, khiến cho họ đến nơi yên ổn an vui.

Phẩm thứ hai mươi lăm trong Kinh Pháp Hoa là phẩm Phổ Môn Quán Thế Âm Bồ Tát, chuyên nói về thần lực không thể nghĩ bàn của vị Bồ Tát này, chúng ta sẽ nghiên cứu về phẩm này sau.

Bồ Tát Đắc Đại Thế tức là Bồ Tát Đại Thế Chí. Mỗi khi vị Bồ Tát này cất bước đi thì ba ngàn đại thiên thế giới đều phát sinh sáu thứ chấn động, đó là nguyên nhân Ngài được danh hiệu là Đắc Đại Thế Bồ Tát. Sáu thứ chấn động là gì. Tức là : động, dưng, khởi, chấn, hống, thanh. Sức mạnh của những sự chấn động này phát khởi thì dù bom đạn mạnh hết sức của thời đại hiện nay cũng không thể sánh bằng, bất quá những thứ chấn động ấy chẳng phải như vũ khí tân thời sẽ phá hủy tiêu diệt tất cả vạn vật. Sáu thứ chấn động này chẳng tổn hại tơ hào đến bất cứ vật gì.

Bồ Tát Đắc Đại Thế còn gọi là Bồ Tát Vô Biên Quang Sí Thân, vì ai thấy được quang minh một lỗ chân lông của vị Bồ Tát này thì giống như thấy

được quang minh thanh tịnh vi diệu của chư Phật Như Lai trong mười phương.

Bồ Tát Thường Tinh Tấn. Thường nghĩa là chưa từng thối lui. Tinh tấn gồm có thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Vị Bồ Tát này tu hành tinh tấn chưa từng ngừng nghỉ. Ngài siêng tu vạn hạnh để giáo hóa chúng sinh, dùng mãnh tinh tấn phi thường. Ngài chẳng giống như chúng ta, vừa mới tiến hành một kế hoạch gì nếu gặp khó khăn thì thối thất bỏ qua. Bồ Tát Thường Tinh Tấn chưa từng ngủ nghỉ, luôn luôn nỗ lực công tác. Ngài có thể trải qua thời gian dài vô lượng kiếp thử đi giáo hóa một chúng sinh, trợ giúp cho họ phát đại bồ đề tâm. Ngài giáo hóa chúng sinh này có thể dùng vô số pháp môn, đem hết khả năng và thời gian, hoặc có khi cũng chẳng cách chi cứu độ họ. Tuy nhiên như thế nhưng Bồ Tát Thường Tinh Tấn chưa từng mệt mỏi hoặc thối thất nghị lực. Cho nên chúng ta muốn cứu độ chúng sinh nên học theo vị Bồ Tát này. Nếu một đời này độ không được người nào đó thì chúng ta hãy phát tâm đời sau nhất định phải độ họ, hoặc là đời sau nữa, đời sau sau nữa cũng phát tâm như thế, cho đến khi thành công mới thôi.

Nói về phương diện khác, nếu bạn chú ý đến có người nào đó thường theo bạn, thử đến giáo hóa hướng dẫn bạn thì bạn hãy lập tức nghe lời sự dạy dỗ hướng dẫn của họ và sinh đại tín tâm. Người đó có khả năng tức là Bồ Tát Thường Tinh Tấn, không sợ phiền não nguyện lực mà trải qua đời đời kiếp kiếp thử giáo hóa cứu độ bạn ! Bạn không nên không nghe lời sự khuyên dạy của họ !

Tâm tinh tấn nghĩa là tâm chưa từng sợ thối lui, chưa bao giờ nghĩ : Khó quá ! Bạn cũng chẳng cảm thấy giáo hóa người khác là khốn khổ. Thường tinh tấn tức là siêng năng chuyên cần không thối tâm.

Bồ Tát Bất Hưu Túc. Bạn sẽ nghĩ : "Thường tinh tấn và bất hưu tức có gì khác biệt ? Hai danh từ này chẳng phải là tương tự chăng ? Tại sao Chúng ta cần tên khác nhau của hai vị Bồ Tát ?"

Trên thật tế thì chẳng biết có bao nhiêu vị Bồ Tát Thường Tinh Tấn, cũng chẳng cách chi đếm được có bao nhiêu vị Bồ Tát Bất Hưu Túc, các Ngài nhiều vô lượng vô biên. Nói tóm lại, nếu bạn tu tập luôn luôn dụng công không ngừng, thường tinh tấn thì chính bạn là Bồ Tát Thường Tinh Tấn. Nếu bạn truy cầu nghiên cứu Phật pháp chưa từng nghỉ ngơi thì bạn cũng là Bồ Tát Bất Hưu Túc.

Vậy các Ngài cứu kính có gì khác nhau ? Tuy nhiên trên căn bản thì các Ngài giống nhau, nếu như bạn muốn nói về sự khác nhau của các Ngài thì vị Bồ Tát Thường Tinh Tấn vào dòng sinh tử tiếp tục không ngừng để cứu độ chúng sinh. Còn Bồ Tát Bất Hưu Túc thì trải qua thời gian lâu dài rộng lớn ở trong dòng sinh tử chưa từng mệt mỏi. Không mệt mỏi nghĩa là Ngài không sợ gian lao khổ nhọc. Nếu lay Phật hoặc tụng Kinh thì Ngài không vì một chút mệt nhọc mà đi nằm nghỉ. Bất cứ làm gì, Ngài cũng chưa từng nghỉ ngơi. Bồ Tát Bất Hưu Túc bận rộn vô cùng, nhưng Ngài tuyệt đối không than thở, hoặc chẳng có ai thấy Ngài làm việc thiện, Ngài cũng tinh tấn tiếp tục công việc không nghỉ ngơi. Ngài chưa từng rao bán công đức của mình.

Có một số cư sĩ thường đến đây quảng cáo công đức của họ, tuyên dương mình làm được bao nhiêu công đức, hoặc bỏ ra bao nhiêu tiền, những người này hoàn toàn trái ngược với Bồ Tát Bất Hưu Túc. Bồ Tát Bất Hưu Túc trải qua nhiều đại kiếp như số cát sông Hằng, chưa từng nghỉ ngơi, giải đãi, nhiều ngày đầy tháng, nhiều tháng đầy năm, nhiều năm thành trăm ngàn vạn ức kiếp mà Ngài không nghỉ ngơi. (còn tiếp)

KINH LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Tiếp theo kỳ trước

Thiên Thai Trí Giả Đại sư khi xem phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* tới đoạn: “*Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường,*” (đó là chân tinh tấn, đó gọi là chân pháp cúng dường), thì Ngài nhập định. Trong định, ngài thấy Pháp hội Linh sơn, thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn còn ở đó thuyết pháp, chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sanh. Ngài liền chứng ngộ Pháp Hoa Tam-muội. Ngài nhập Pháp Hoa Tam muội, và đắc được “Nhất Triền Đà-la-ni.” Sau khi xuất định, trí huệ được rộng mở, Trí Giả Đại sư kiến lập Thiên Thai tông và trở thành Sơ tổ của tông phái này.

Công đức đốt thân cúng Phật của Bồ tát Dược Vương thật bất khả tư nghì; đó mới là tinh tấn chân chánh. Không phải như chúng ta, nhỏ một sợi lông tơ trên thân mình cũng tiếc, không nỡ, nên có câu:

“Bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ, bất vi dã.”

Nhỏ đi một sợi lông tơ mà có lợi ích cho tất cả thiên hạ, cũng không làm. Tại sao vậy? Đó là vì ích kỷ, chỉ biết tự lợi mà không biết lợi tha, nên không được gọi là tinh tấn.

Thứ năm là thiền định Ba La Mật. Thiền định có Tứ thiền Bát định. Trong *Kinh Lăng Nghiêm* có nói tới “cửu thứ đệ định” (chín bậc thiền định liên tiếp); vậy đợi đến phần chánh văn tôi sẽ giảng cặn kẽ, nay không đi sâu vào chi tiết làm gì.

Tứ thiền Bát định là gì? Bây giờ tôi sẽ giới thiệu sơ lược về cảnh giới của Tứ thiền.

“Tứ thiền” gồm có sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền. Ở cảnh giới Sơ thiền, mạch

tim của quý vị sẽ ngừng đập. Đến trình độ Nhị thiền, hơi thở của quý vị sẽ đình chỉ; mũi không còn hơi thở ra vào. Phải chăng như vậy là chết rồi? Không phải, đó chẳng qua chỉ là một trạng thái, một thứ cảnh giới mà thôi. Đến Tam thiền thì thế nào? Bấy giờ, thức sẽ đoạn, niệm cũng đoạn luôn.

Cảnh giới của Sơ thiền là “ly sanh hỷ lạc địa.” Khi quý vị đạt đến cảnh giới hoan hỷ, mạch tim ngừng đập, nhưng tự mình cảm thấy vô cùng hoan hỷ, đó gọi là “ly sanh hỷ lạc địa.” Ở Sơ thiền, định lực vẫn chưa kiên cố. Đến Nhị thiền, tức là cảnh giới “sanh hỷ lạc địa,” thì định lực kiên cố hơn ở Sơ thiền nhiều. Bấy giờ, hơi thở đoạn dứt, hô hấp bên ngoài đoạn rồi, hô hấp bên trong sống dậy. Chúng ta đều là hô hấp bên ngoài, không hô hấp bên trong được. Nếu hô hấp bên trong được, thì quý vị sẽ không chết, muốn sống bao nhiêu năm cũng được; nhưng sống lâu rồi thì biến thành “quỷ giữ thầy,” cứ lo canh giữ “túi da thú” này, thì có ích dụng gì đâu!

Tam thiền gọi là “ly hỷ diệu lạc địa.” “Hỷ” cũng lìa bỏ. Người tu hành nếu nói *happy*, chính là hoan hỷ, rất hoan hỷ. Tam thiền gọi là “ly hỷ diệu lạc địa,” loại an lạc này vô cùng vi diệu. “Ly hỷ,” lìa bỏ cái hỷ, mà đắc được cảnh giới diệu lạc này.

Cảnh giới của Tứ thiền là “xả niệm thanh tịnh địa,” buông bỏ niệm thức. Nhập vào loại định thứ tư này mới là tiến một bước trên đường tu Đạo. Thế nhưng, quý vị không nên cho rằng chứng được Tứ thiền là việc quá tuyệt vời, bởi đó chỉ là sơ bộ, mới bắt đầu tiến một bước về phía quả vị Phật,

chứ vẫn chưa chứng được quả vị A la hán. Đến lúc đó, tất cả những việc trên trời dưới đất quý vị đều có thể biết được, nhưng biết rồi cũng không nên chấp vào cảnh giới. Đó là đại khái cảnh giới của Tứ thiên. Bát định nói đến thì rất đông dài, nay tạm thời chưa giảng đến.

Độ thứ sáu là Bát nhã Ba la mật. “Bát nhã” là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là trí huệ. “Trí huệ” là gì? Người đời thường cho rằng thông minh của thế nhân là trí huệ, kỳ thực không phải như vậy. “Thông minh” là thế gian trí, là thứ kiến thức của thế gian; còn “trí huệ” là xuất thế gian trí. Trí hiểu biết về khoa học, triết học, thanh, quang, điện, hóa v.v..., tất cả những gì mà khoa học phát minh ra đều là trí huệ thế gian, không phải là trí huệ xuất thế gian. Vậy trí huệ xuất thế gian là gì? Đó chính là trí huệ thành Phật. “Trí huệ thành Phật” cũng không chỉ là một loại, mà là ba loại.

Vì sao chữ “Bát nhã” vẫn giữ nguyên, không phiên dịch? Vì từ ngữ “Bát nhã” bao hàm ba nghĩa nên được xếp vào loại “đa hàm bất phiên,” một trong Ngũ chủng bất phiên (năm loại không phiên dịch)—tức là do bao hàm nhiều ý nghĩa nên không phiên dịch ra. Vậy, ba loại Bát nhã là gì? Đó là:

1) Văn tự Bát nhã. Tất cả văn kinh trong kinh điển đều là văn tự Bát nhã.

2) Quán chiếu Bát nhã. Quán chiếu Bát nhã tức là trí huệ từ sự quán chiếu, hồi quang phản chiếu, phản văn văn tự tánh. Mắt của quý vị thường quen nhìn ra ngoài, nay không nhìn ra ngoài nữa mà phải nhìn vào trong, đó gọi là “hồi quang phản chiếu”—quay trở về soi chiếu chính mình. Quý vị có thể hồi quang phản chiếu, đó gọi là quán chiếu Bát nhã. “Quán” là quán sát; “chiếu” là quang minh phổ chiếu. Nếu quý vị dùng ánh quang minh trí huệ đạt được do sự quán sát để chiếu phá hắc ám, soi sáng bên trong quý vị để được trở nên thanh tịnh, không còn rác rưởi dơ dáy nhiễm ô, thì đó là “quán chiếu Bát nhã” vậy.

3) Thực tướng Bát nhã. Ngoài ra, còn có một

loại Bát nhã bất khả tư nghì nhất, vi diệu nhất, đó là thực tướng Bát nhã. Cái gì là thực tướng? Thực tướng Bát nhã chính là “liễu nghĩa” mà bộ kinh này nói đến. Liễu nghĩa cũng là thực tướng, thực tướng cũng chính là liễu nghĩa.

Quý vị có lẽ chưa hiểu “thực tướng” là gì và ngần ngại: “Danh từ này đối với tôi thật là xa lạ, tôi không biết từ ngữ này được giải thích như thế nào!”

Bây giờ tôi bảo cho quý vị biết: “Thực tướng” chính là liễu nghĩa, liễu nghĩa chính là thực tướng. Vậy, thực tướng là gì?

“Thực tướng giả,

vô tướng dã, vô sở bất tướng dã.”

“Thực tướng” là không có tướng, nhưng không gì là không có tướng. Quý vị nói nó không có tướng à? Nó cái gì cũng đều là tướng, nên gọi là “thực tướng.”

“Thực tướng vô tướng, vô sở bất tướng.”
Cảnh giới này, nếu quý vị hiểu được thì sẽ trở thành hàng xóm láng giềng của Phật, chỉ còn ở cách xa Phật có một bước. Nhưng cảnh giới này nói thì dễ, mà chứng đắc được thì chẳng dễ chút nào. Tuy không dễ dàng, nhưng chúng ta cũng phải nghĩ cách để đi trên con đường này. Nếu thấy khó khăn bèn không đi nữa, chẳng hạn như nói: “Tôi muốn đi Nữ Ước, nhưng xa xôi tốn kém quá, đi bằng máy bay hay xe hơi cũng đều tốn rất nhiều tiền. Thôi, tôi không muốn đi nữa!” Quý vị không đi, thì vĩnh viễn không đến được Nữ Ước, không biết được mặt mũi của Nữ Ước là như thế nào! Việc thành Phật cũng thế—quý vị muốn thành Phật, nhưng vì ngại đường đi quá xa xôi diệu vợi, cần phải trải qua một quãng thời gian dài đằng đẵng, cho nên quý vị “vọng dương hưng thán” rằng: “Ôi! Sao mà khó khăn đến thế, tôi không học Phật pháp nữa đâu! Tôi muốn tìm việc gì dễ dễ một chút mà làm thôi!” Vậy thì quý vị vĩnh viễn

sẽ không bao giờ thành Phật được cả!! Nếu quý vị không muốn thành Phật, thì chẳng có gì để nói nữa, điều đó tùy ý quý vị. Nhưng nếu quý vị muốn thành Phật, thì cần phải gắng sức vượt qua mọi khó khăn! Có câu:

“Nhân giả tiên nan nhi hậu hoạch.”

Người nhân, thì trước tiên nhất định phải trải qua một phen khó khăn gian khổ, sau đó mới có thể đạt được sự dễ dàng. Cổ đức có câu:

*“Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,
Chấm đắc mai hoa phác ty hương?”*

(Không trải qua mùa đông buốt giá,
Hoa mai sao nở được mùi thơm?)

Hoa mai ở nước Trung Hoa thì ngào ngạt hương thơm, chẳng bù với hoa mai ở nước Mỹ, không có chút hương thơm. Giống mai của Trung Hoa thì khác, ở cách xa một hai dặm người ta vẫn còn ngửi được hương hoa thoang thoảng trong gió. Tại sao hoa mai thơm ngát như vậy? Bởi cây mai ra hoa vào giữa mùa đông, phải chịu đựng cái lạnh thấu xương của mùa đông buốt giá, cho nên hoa tỏa hương rất thơm.

Nói về Thực tướng Bát nhã, có phải là có người có, có người không? Không phải vậy! Mỗi chúng sanh đều có loại Bát nhã này, mỗi chúng sanh đều có thực tướng trí huệ; nhưng cũng giống như “mật nhân” trong kinh này vậy—chỉ vì chúng ta không biết làm cho nó hiển hiện ra mà thôi; tài sản quý giá vốn có của mình, mà mình không hay biết, nên đành chịu làm kẻ bần cùng.

Tự tánh Bát nhã của chúng ta là thực tướng vốn có đầy đủ, nhưng vì tự mình không hiểu rõ, để đến nỗi biến thành một kẻ nghèo nàn đối với pháp.

Kinh Kim Cang nói: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai.”*

Tất cả những gì có tướng trạng đều là giả tạm; nếu quý vị có thể từ trong hữu tướng mà biết được vô tướng, thì thấy được Như Lai. Quý vị

hiểu rõ bốn thể của Pháp, nghiên cứu tận cùng nguồn gốc của Pháp, thì cũng giống như thấy Phật vậy. Thấy được nguồn gốc của tất cả Pháp, chính là thấy Phật. Cho nên, Thực tướng Bát nhã này chính là trí huệ mà mỗi người trong chúng ta đều có, chúng ta cần phải mở được cửa của kho báu trí huệ này, mới có thể làm hiển lộ “bổn lai diện mục” của chính mình.

Trong quá khứ chúng ta không biết có Thực tướng Bát nhã, thì ví như có mỏ vàng đầy ắp mà không ai hay biết vậy. Tuy có vàng, nhưng nếu không ai biết đến để khai quật lên, thì sẽ không thấy được vàng. Có người tuy biết trong mỏ có vàng, nhưng lại không khai thác, thì cũng như không biết vậy, cũng chẳng thể lấy được vàng. Vậy thì cần phải làm gì? Cần phải khai quật mỏ vàng rồi dùng nhân công nỗ lực khai thác, đào xới, gạn lọc, mới có thể lấy được vàng ròng, và bấy giờ vàng mới hiển hiện ra!

Đó cũng chính là gì? Chúng ta mỗi người đều có mỏ vàng, nhưng lại không hề hay biết. Mỏ vàng ấy chính là Thực tướng Bát nhã. Nay chúng ta nghe giảng kinh, biết được Thực tướng Bát nhã, song chúng ta vẫn không dùng được Thực tướng Bát nhã, không khai quật “mỏ vàng” Thực tướng Bát nhã của chính mình, như thế thì cũng như không biết vậy. Người nào phát tâm dũng mãnh tinh tấn tu hành, ra công khai quật “mỏ vàng” Thực tướng trong tự tánh của mình, tất Phật tánh vốn có sẽ hiển lộ: “A! Tôi chính là Phật!” (còn tiếp)

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

35. NALADÃ.

Kê : Chương ác thủy tộc trụ long cung
Uông dương đại hải ba lăng dững
Từ nhuần quán khái sinh vạn vật
Bành phái bàng đà diễn hồng môn.

Tạm dịch :

*Cai quản thủy tộc ở cung rồng
Đại dương biển lớn nổi ba đảo
Tươi khắp thấm nhuần dưỡng vạn vật
Mệnh môn rạn rụa diễn hồng môn.*

Giải : “Cai quản thủy tộc ở cung rồng.” Thủy thần thì cai quản chúng sinh trong biển, cho nên nói “ Đại dương biển lớn nổi ba đảo.” Ở trong nước thường đi du ngoạn trong nước, xem cá bơi đi bơi lại, có ăn, không có ăn đều rất sung sướng. “ Tươi khắp thấm nhuần dưỡng vạn vật.” Hoa cỏ, thảo mộc, cây cối ngũ cốc đều cần nước, đều nương nước mà sống.

“ Mệnh môn rạn rụa diễn hồng môn.” Nếu nước lớn thì âm thanh lớn. Gia Tô giáo nói hồng thủy làm chết người thế gian đều vì tin thần giả, không tin thần thật, cho nên dùng nước làm chết bạn, nếu thật là như thế thì tin thần giả tức là phạm tội, vậy kẻ giết người, phóng hỏa sao không làm chết họ đi, tin thần ngược lại có tội, nói thẳng thật là vô lý. Tức là tin thần giả so sánh với cái gì cũng đều không tin tốt những cái đó, gì cũng không tin vẫn có tội, đây phải chăng thần thật làm cái hồ kêu người tin y, nếu không tin thì phải chết, đây thật là quá bất công, các vị nghiên cứu xem. Thần còn có thật giả ! Thật tức là thật còn có giả gì, có giả thì không thật, thật còn muốn tên thần để làm gì.

36. NAGIA.

Kê : Vô hình vô tượng thuận nhĩ đa

Thị chi bất kiến văn diệc hiết
Thành trụ hoại không nhị thập kiếp
Kim cang đại định vị từng na.

Tạm dịch :

*Không hình không tượng tức là không
Nhìn cũng chẳng thấy nghe cũng không
Thành trụ hoại không hai mươi kiếp
Kim Cang đại định chưa từng động.*

Giải : Na Gia dịch là "không", không tức là thần giới không. Thực ra không tức là không, còn phải tìm một vị thần cai quản, thật là không có việc tìm việc làm, giống như chính phủ đặt ra một chức bộ trưởng cải thiện không khí. Thần không như thế nào ? Không có hình dạng gì hết cho nên : “ Không hình không tượng thuận nhĩ đa.” Thuận nhĩ đa tức là không. “ Nhìn cũng chẳng thấy, nghe cũng không.” Không thì bạn nhìn cũng chẳng thấy, nếu nhìn thấy thì chẳng gọi là không, cũng không thể ngửi mùi vị thần không. “ Thành trụ hoại không hai mươi kiếp.” Mỗi đại kiếp có bốn trung kiếp, một trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp, thành trụ hoại không. Mỗi kiếp có hai mươi tiểu kiếp, hợp lại là một đại kiếp, thời gian rất dài, nhưng người tu đạo nhập Kim Cang đại định, trong một đại kiếp đều như như bất động, cho nên nói “ Kim Cang đại định chưa từng động.” Một chút cũng không động, động đất họ cũng chẳng sợ. Nếu hiểu lý không thì hết thấy đều không chướng ngại, cho đến không cũng không, không cũng phá, chấp trước không cũng buông xả, chứng được lý không thì cảnh giới cũng chẳng có, phiền não cũng không, cũng không người, cũng không Phật, đại thiên sa giới như bọt nước, chúng đặc lý không là như thế.

37. BÁT GIÁ MA HA TAM MỘ ĐÀ LA.

Kê : Ca nhạc đại hội diễn diệu âm
A ba xướng tụng lung giả thính
Cổ mục lão ông tĩnh nhân khán
Thổ mộc ngoã thạch hi dung dung.

Tạm dịch :

*Đại hội ca nhạc diễn diệu âm
Kẻ câm biết nói điếc nghe được
Kẻ già mù lòà mở mắt xem
Đất gỗ ngói đá vui nhộn nhịp.*

Giải : Câu này dịch là "đại hội ca nhạc", nhưng không phải là nhảy múa như mấy trăm ngàn người tụ lại với nhau. Đại hội ca nhạc này thật là diệu không thể nói, vừa ca xướng, vừa tấu nhạc, lại có băng và đĩa hát, lại có nhạc trời trên không, trời mưa hoa báu rơi xuống rục rờ. Ai ca xướng ? Người cầm. Cầm sao có thể ca xướng ? Vậy mới kỳ quái ! Người cầm ca, người cầm xướng, giống như truyền hình, có lúc biểu diễn không âm thanh, có lúc có âm thanh. Ai nghe ? Người điếc nghe, thử nghe xem, nếu âm thanh không diệu thì người điếc sao nghe được ! Thật quá diệu. " Kẻ già mù lòà mở mắt xem." Già cả mù lòà nhìn mọi người tấu âm nhạc, tấu quá hay, họ liền mở mắt ra xem, không những nhìn được mà còn nói chuyện, còn dùng mắt, để ca xướng, không riêng gì như thế mà dưới đây còn thú vị hơn, " Đất gỗ ngói đá vui nhộn nhịp." Đất gỗ ngói đá vốn là vô tình, nhưng vô tình cũng vui vẻ, cười vui nhộn nhịp. Cho nên :

*" Trời quang mây tạnh, thảo mộc hân hoan,
Phong ba bạo vũ, cầm điếu thể lương,"*

Cho nên trời đất không thể một ngày không có hòa khí, lòng người không thể một ngày không có hỷ thần. Sao lại nói người câm ca được, kẻ điếc nghe được, người mù nhìn thấy được ? Người câm ca xướng được tức là ví dụ, lúc tôi hỏi có vấn đề gì chẳng, thì chẳng có ai lên tiếng, nhưng khi vô sự thì cứ nói chuyện, lúc đó người câm cũng nói chuyện được. Người điếc nghe được, thì cũng như có người giảng Kinh thuyết pháp, một chút cũng nghe không vào tai, giống như người điếc không khác, nhưng đến khi nghe ca xướng thì họ nghe lọt vào tai. Người mù vốn nhìn không thấy, nhưng khi họ nghe được Phật pháp thì mắt cũng mở ra được. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, cho đến đất gỗ ngói đá là những người không tin Phật pháp. Chúng đối với Phật pháp cũng như đất

gỗ ngói đá vốn không hiểu, giống như vô tình, hữu tình vô tình đồng viên chủng trí. Đại hội ca xướng này có Cưu Bàn Trà, Khẩn Na La, Thiên Long Bát Bộ đều tấu âm nhạc tại đó, âm nhạc có thể giải trừ tâm sân hận của con người.

Chúng ta học Phật pháp, hết thầy thế gian cũng không ngoài Phật pháp, đừng khinh thị người khác. Có người đến diễn giảng phải chú ý nghe. Bạn không biết người đó mang chìa khóa đến mở cửa vô minh cho bạn.

Hỏi : Ngủ thì nằm chiêm bao có phải là tạo nghiệp chăng ?

Đáp : Những gì làm trong mộng không phải tạo nghiệp, tỉnh mộng chớ tạo thì được, nhưng nếu bạn nói tôi muốn cố ý nằm mộng, trong mộng có thể tạo rất nhiều nghiệp, như thế thì tội nghiệp, nếu bạn không khởi vọng tưởng muốn trong mộng tạo nghiệp thì chẳng quan hệ gì với bạn, cho đến lúc tỉnh táo bình thường có (vọng) niệm đầu tạo nghiệp nhưng không đi làm, đó là hoặc, không phải nghiệp.

Hỏi : Trong Kinh Di Đà nói chúng ta nên phát nguyện sinh về cõi cực lạc, vì tại đó không có ba đường ác, nếu chúng ta sinh về cõi Cực Lạc thì không độ không cứu chúng sinh trong ba đường ác chăng ?

Đáp : Bạn đừng lo cho họ, có người khác lo, nếu bạn muốn lo thì tại thế giới Cực Lạc thành Phật rồi thì có thể trở lại lo, Phật Di Đà là như thế.

Hỏi : Niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, Chú Đại Bi và Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có thể sinh về cõi cực lạc chăng ?

Đáp : Có thể. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là hướng về Cực Lạc.

Hỏi : Hết thầy pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, vậy gì là pháp vô vi ?

Đáp : Nghĩ kỹ thì biết pháp vô vi có sáu. Trong Trăm Pháp Minh Môn Luận : Sắc pháp có 11, tâm pháp có 8, tâm sở pháp có 51, bất tương ưng pháp có 24, vô vi có 6, cộng thành trăm pháp.

(còn tiếp)

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

68. Giả Cát La A Tất Đà Dạ.

Kê : Sắc thân Tam muội hiện tam thiên
Kiến tướng văn danh thoát vô gián
Liễu sinh đại pháp đấng bỉ ngạn
Hàm mông nhiếp thọ giác vương tiền.

Tạm dịch :

*Sắc thân tam muội hiện ngàn cõi
Thấy tướng nghe danh thoát địa ngục
Thấu rõ đại pháp lên bờ kia
Đều mong nhiếp thọ ở trước Phật.*

69. Ta Bà Ha.

Kê : Tu đạo hành giả mặc tự khi
Yểm nhĩ đạo linh thậm bất nghi
Khai hoa nan kết chân thật quả
Quang âm không qua thái khả tiếc.

Tạm dịch :

*Người tu đạo dùng tự dối mình
Bị tai trộm chuông không thể được
Hoa nở khó kết quả chân thật
Thời gian lãng trôi rất đáng tiếc.*

"Giả Cát La A Tất Đà Dạ, Ta Bà Ha": Cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "kim cang luân". Kim cang luân tức cũng là một thứ kim cang bạt triết la hình tròn. Còn có một ý nghĩa là "hàng phục oán ma", hay hàng phục tất cả oán ma. Oán là có tâm oán hận. Tại sao họ phải làm ma ? Vì trong tâm của họ có khí bất bình, cho rằng việc của Phật làm cũng không đúng, việc Bồ Tát làm cũng không đúng, việc A La Hán làm cũng không đúng, việc của chư Thiên làm cũng không đúng, việc vua Diêm Vương làm cũng không đúng, việc gì chúng cũng đều phản đối, cũng đều oán hận, chúng nhìn tất cả đều không đúng. Cho nên chúng giống như người bệnh cuồng, cũng chẳng màng đến quốc pháp, gia pháp, thế gian pháp, chẳng màng đến bất cứ những gì. Chúng ở thế gian chuyên môn hoành hành, chẳng kiêng nể

ai. Ở trong loài người gọi là người điên cuồng, ở trong quỷ thần gọi là ma. Oán ma này có luồng oán khí xung thiên : "Các vị đều khinh tôi, đối với tôi không tốt, cho nên tôi phải đả đảo các ngươi. Phật tôi cũng đả đảo; Bồ Tát tôi cũng đả đảo, La Hán tôi cũng đả đảo, tất cả mọi người tôi đều phải ăn họ". Có luồng oán khí : "Tất cả quý, tôi đều giết chết hết". Gặp con quý nào thì giết con quý đó. Cho nên thứ ma này lợi hại như thế.

Pháp này gọi là "Bạt Triết La Thủ", Bạt Triết La Thủ Nhãn dùng kim cang luân này hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo và lị mị vọng lượng. Bất cứ ma quỷ gì, bạn dùng kim cang luân này tát pháp thì chúng đều lão thực, đều cúi đầu đánh lễ bạn, nói : " Hay lắm, tôi sẽ giữ gìn quy cụ, tôi không dám phạm quy cụ nữa", chúng sẽ đầu hàng bạn. Đây là Bạt Triết La Thủ, chẳng những hàng phục được mà còn có âm thanh. Ở trong Đạo giáo thì có "ngũ lời oanh đỉnh". Song trong Đạo lão họ có 'chưởng tâm lôi'. Nếu chưởng tâm lôi, dùng tay để chưởng thì có thể có tiếng sấm xuất hiện, tiếng sấm này có thể chấn giữ thiên ma ngoại đạo. Thậm chí tiếng lôi này đến thân thể thì bổ nát thân thể ra. Lúc tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm, tôi có nói tôi có người bạn có chưởng tâm lôi, chưởng tay này có tiếng sấm. Đây là pháp thuật ở trong Đạo giáo. Trong Phật giáo cũng có, tức là Bạt Triết La Thủ Nhãn này, đây là chưởng tâm lôi của Phật giáo. Bạn tu thành Thủ Nhãn này, tu pháp này thành công thì có tiếng sấm, hàng phục được tất cả oán ma.

"A Tất Đà Dạ" dịch ra nghĩa là "vô tử thành tựu", chẳng gì sánh bằng, công đức thành tựu này quá lớn, cho nên mới hàng phục được tất cả oán ma.

70. Ba Đà Ma Yết Tất Đà Dạ.

Kê : Bồ Tát vô sự hoa công tác

Toạ bảo liên hoa phóng quang minh
Thọ chư chúng sinh đại giác ký
Viên mãn Niết Bàn chứng vô dư.

Tạm dịch :

*Bồ Tát không việc tìm việc làm
Ngự trên sen báu phóng quang minh
Thọ ký chúng sinh sẽ giác ngộ
Viên mãn chứng được quả Niết Bàn.*

71. Ta Bà Ha.

Kê : Thiên nữ tán hoa cúng hành nhân
Nghiêm trì giới luật diệu thông thần
Cánh năng hời quang Quán Tự Tại
Bất cử đương khế Đại Giác Tôn.

Tạm dịch :

*Thiên nữ rải hoa cúng hành giả
Giữ gìn giới luật được thần thông
Quay vào bên trong Quán Tự Tại
Không lâu sẽ hợp đấng Đại Giác.*

"Ba Đà Ma" là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hồng liên hoa", "Yết" nghĩa là "thiện thắng", thắng hết tất cả. Hồng liên hoa (hoa sen đỏ) này thắng hết tất cả, thành tựu tất cả. Hồng Liên Hoa Thủ là Thủ Nhân thứ hai mươi lăm. Khi bạn tu Hồng Liên Hoa Thủ Nhân này mà bạn muốn sinh lên cõi trời thì rất dễ dàng sinh về cõi trời; bạn muốn sinh về cõi trời nào thì cũng dễ dàng sinh về cõi đó.

72. Na La Cẩn Trì Bà Già La Gia.

Kê : Tiểu trung hiện đại vô ngại thân
Đông tây nam bắc nhậm tung hoành
Tam thiên thế giới duy nhất niệm
Nễ ngã tha tâm bất khả phân.

Tạm dịch :

*Trong nhỏ hiện lớn thân chẳng ngại
Tung hoành khắp đông tây nam bắc
Ba ngàn thế giới do một niệm
Tất cả tâm tánh không phân biệt.*

73. Ta Bà Ha.

Kê : Lễ bái cúng dường yếu kiện thành
Hương hoa dâng quả nhật nhật tân
Chân tâm tu hành ly chư tướng
Tam luân thể không xuất mê duật.

Tạm dịch :

*Lễ bái cúng dường phải kiên thành
Hương hoa đèn quả ngày ngày mới
Thật tâm tu hành li các tướng
Tam luân thể không thoát đường mê.*

"Na La Cẩn Trì" : Dịch ra nghĩa là "hiền thủ".
Hiền là Thánh Hiền. Thủ là thủ hộ.

"Bà Già La Gia": Dịch ra là "Quán Tự Tại",
"Quán Thế Âm", còn gọi là "phóng quang".

Thủ Nhân này là "Thí Vô Úy Thủ Nhân".
Thí Vô Úy Thủ Nhân này là Bồ Tát Quán Thế Âm dùng
để cứu hộ tất cả chúng sinh, bất cứ lúc nào, ở đâu
cũng đều không sợ hãi, không sợ tất cả cảnh giới
khủng bố. (còn tiếp)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Nay chư thiên, long, thần đem hoa hương cúng dâng, trên không treo lụa dây, con vua thân xuất quang minh, soi khắp trời đất. Vua nghe nói bao nhiêu khổ não được giải hết. Vua nói ; con ta tuy bỏ ngôi chuyển luân vương, nay được pháp chuyển luân vương, thực là không mất vậy !

Cùng lúc ấy, sứ của Học-Phạn vương lại tâu vua rằng đã sinh được con trai. Vua vui mừng nói : ngày nay là ngày đại cát, đại hoan hỉ, bèn bảo sứ về nói Học-Phạn vương nên đặt tên là A-Nan.

Sau đây là y nhân duyên mà đặt tên :

Ông A-Nan đoan chính, thanh tịnh như tấm gương sáng quý ; già, trẻ, đẹp, xấu dung nhan tướng mạo đều ở trong thân hiện ra. Thân tướng sáng sạch làm người nữ nhìn thấy khởi tâm dục nhiễm. Vì thế Phật cho ông mặc áo che kín tay, khiến người ta nhìn thấy, tâm mắt hoan hỉ nên gọi là A-Nan. Luận chủ làm bài ca ngợi rằng :

Mặt như vàng trắng đây,
Mắt như hoa sen xanh.
Phật pháp nước biển lớn,
Chảy vào tâm A-Nan !
Hay khiến tâm mắt người,
Thấy ông sinh tâm mừng !
Các người cầu thấy Phật,
Thông hiện không còn nghi !

Như thế, ông A-Nan tuy có thể được quả A-la-hán vì sự cúng dâng Phật nên tự không cho hết lậu. Lấy công đức lớn ấy mà tuy không phải ngôi vô học, được ở trong số vô học, tuy chưa ly dục được ở trong nhóm ly dục. Bởi thế, ở số năm ngàn, thực chưa là A-la-hán nên nói duy trừ A-Nan.

GIẢI NGHĨA BA CHÚNG

KINH : Lại có năm trăm Tỷ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đều đã thấy thánh đế.

Luận :

Hỏi : Tại sao các tỷ-khưu có năm ngàn, còn ba chúng chỉ có năm trăm.

ĐÁP : Người nữ phần nhiều kém trí tuệ, phiền não nhiễm nặng, tham cầu vui sướng, nhiều yêu đắm ít hay đoạn kết sử mà chứng được giải thoát. Như Phật nói nhân duyên khởi pháp đệ nhất phẩm sâu khó được, hết tất cả phiền não, ly dục được niết-bàn, khó thấy gặp bội. Thế nên tỷ-khưu ni không được nhiều. Ưu-bà-tắc, ưu-bà-di còn ở tại gia đình, tâm bất tịnh, không thể hết lậu chứng được bốn quả thánh đế nên còn làm người phải học nữa. Kệ nói :

Khổng tước tuy có sắc nghiêm thân,
Chẳng bằng hồng nhạn hay bay xa.
Bạch y tuy có lực giàu sang,
Chẳng bằng xuất gia công đức hơn.

Thế nên, các tỷ-khưu-ni tuy xuất gia bỏ nghiệp đời mà vi trí tuệ kém chỉ có năm trăm A-la-hán. Bạch y hai chúng, tại gia có nhiều việc rộn ràng nên đắc đạo ít cũng chỉ có được năm trăm.

Hỏi : Năm ngàn A-la-hán đều được tán dương mà ba chúng làm sao không được khen ngợi ?

Đáp : Đại chúng đã được tán dương tức đã bao trùm cả số còn lại. Hơn nữa, nếu ca ngợi riêng, bọn ngoại đạo sẽ mắng rằng : sao lại tán dương tỷ-khưu-ni ! Chúng sẽ sinh lòng phỉ báng. Nếu tán bạch y thì nói họ là người làm việc cúng dâng nên không tán.

Hỏi : Trong các kinh đại thừa, Phật cùng đại chúng tỷ-khưu câu hội hoặc tám ngàn hoặc sáu vạn, mười vạn người. Kinh Bát-nhã Ba-la-mật là đệ nhất trong các kinh, như trong phẩm chúc lụy nói : kinh khác nếu có mất thì tội còn nhỏ, nếu kinh Bát-nhã Ba-la-mật mất một câu, thì tội to nhiều. Vì thế biết

kinh Bát-nhã Ba-la-mật là lớn đệ nhất. Kinh đệ nhất thì đại hội cũng phải đệ nhất, sao thanh văn chúng số ít, chỉ có năm ngàn tỳ-khưu, còng tỳ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều năm trăm.

Đáp : Vì bộ đại kinh sâu xa khó giải nên chúng thanh văn ít. Ví như vua có trận bão, không chỉ cho người phàm mà chỉ cho bậc đại nhân tin yêu. Như bàn việc nước, vua chỉ bàn với đại thần thân tín, các cố vấn có trí tuệ, còn các quan nhỏ không được dự. Lại nữa, sáu ngàn năm trăm người đắc đạo hết, tuy không hiểu biết hết thậm thâm Bát-nhã Ba-la-mật nhưng đều hay tin, được vô lậu tứ tín. Kinh khác chúng thanh văn tuy nhiều song tạp không đắc đạo hết. Lại nữa, trước tám ngàn vạn A-la-hán, trong đó chọn lấy tối thắng năm ngàn người ; tỳ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cũng thế. Sự tốt đẹp ấy khó được nên không nhiều. (hết quyển ba)

Luận Đại Trí Độ. Quyển bốn.

Giải nghĩa chữ Bồ Tát.

KINH : Lại có Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

Luận :

Hỏi : Nếu kể từ trên xuống thì trước là bồ-tát, kế là tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Nếu kể từ dưới lên thì trước là ưu-bà-di ... lên đến bồ-tát. Nay sao lại trước nói tỳ-khưu, kế nói ba chúng, sau mới nói bồ-tát.

Đáp : Bồ-tát tuy kém Phật một bậc và nhiều trí tuệ song vì các phiền não chưa hết nên trước nói A-la-hán ; những vị này trí tuệ tuy ít mà đã thành thực.

Phật pháp có hai thứ : Bí mật và hiển thị.

Trong chỗ hiển, Phật, Bích-chi-Phật và A-la-hán đều là ruộng phúc vì phiền não đã hết không còn thừa. Về phương diện mật, các bồ-tát đác vô sinh nhẫn, phiền não đã đoạn, đủ sáu thần thông vì lợi ích chúng sinh để tỏ bày pháp vậy. Do đó, trước nói A-la-hán, sau nói bồ-tát.

Lại nữa, bồ-tát lấy lực phương tiện hiện vào năm đạo, nhận năm món dục, dắt dẫn chúng sinh. Nếu ở trên A-la-hán, chư thiên và người đời đều sinh nghi quái, cho nên nói sau.

Hỏi : Ở sau A-la-hán cũng được, nhưng sao lại ở sau ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ?

Đáp : Bốn chúng tuy lậu chưa hết, hết cũng không lâu, gọi suốt là chúng thanh văn. Nếu ở giữa bốn chúng nói bồ-tát thì không tiện. Như tỳ-khưu-ni được vô lượng luật nghi đáng lẽ nên kể sau tỳ-khưu và ở trước sa-di, sợ pháp Phật bất tiện nên để sau sa-di. Các bồ-tát cũng như thế, tuy ở trên ba chúng hữu học, vì bất tiện nên nói ở sau.

Lại nữa, có người nói bồ-tát công đức, trí tuệ vượt hơn A-la-hán, Bích-chi-Phật nên nói riêng.

Hỏi : Trong kinh, thanh văn nói bốn chúng, nay sao lại nói riêng chúng bồ-tát.

Đáp : Có hai chủng đạo: thanh văn và bồ-tát. tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nếu nói bốn chúng nên biết là cầu đạo thanh văn. Nếu nói riêng chúng bồ-tát ma-ha-tát nên biết là cầu Phật đạo. Thế nên trong pháp thanh văn, đầu kinh nói Phật ở xứ nào, trụ ở chỗ nào, không nói bao nhiêu bồ-tát ở đó mà chỉ nói bao nhiêu tỳ-khưu ở đó. Như nói Phật ở Ba-La-Nại cùng với năm trăm tỳ-khưu ở đó, v.v.

Hỏi : Các bồ-tát có hai thứ : bồ-tát xuất gia và bồ-tát tại gia. Hàng tại gia tóm nói cả ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ; xuất gia tóm nói tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, nay sao lại nói riêng ?

Đáp : Tuy tóm ở trong bốn chúng, song phải nói riêng vì bồ-tát ở trong bốn chúng nhưng bốn chúng không phải tất cả đều là bồ-tát. Có người cầu quả thanh văn, có người sinh trời hoặc sống lâu mà không cầu thành Phật. (còn tiếp)

THIỆN THẮT KHAI THỊ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

Bên ngoài có một số người, cho rằng hội Phật giáo Trung Mỹ (tiền thân Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới) tu hành khổ hạnh quá, nhưng cũng có người cho rằng những người tu hành ở đây mới là chân tu hành. Người có trí huệ, minh biện thị phi, người không có trí huệ, không có trạch pháp nhãn thì chẳng rõ thị phi.

Rất nhiều người bên ngoài đều không tin chúng ta mỗi ngày có thể ngồi thiền hai mươi một tiếng, cho rằng làm không được, cho nên trước khi mở thiền thất, có một số người nói với tôi là họ sợ, tôi khuyên họ đừng sợ, thử thử xem, đến nay thiền thất đã bắt đầu, tuy nhiên có người cảm thấy khổ, cũng có người cảm thấy chịu được, lại cũng có người cảm thấy hai mươi một giờ không cho là dài. Cho nên mỗi người thọ dụng không giống nhau.

Người đạt được thiền duyệt vi thực (dùng sự an lạc của thiền làm thức ăn) thì không ăn vật gì cũng không cảm thấy đói. Người đắc được cảnh giới không thể nghĩ bàn thì hối tiếc sao không sớm tham thiền đả tọa. Người ngồi thiền không được chỗ diệu dụng, thì cảm thấy ngồi thiền không có ý nghĩa gì hết. Mỗi người đều có cảnh giới khác nhau, cho nên đắc được thọ dụng cũng không giống nhau. Bất cứ cảnh giới thế nào, mục đích tối hậu là khai đại trí huệ. Người đã đắc được diệu dụng phải tiếp tục dụng công, người chưa được lại tiếp tục dụng công hơn nữa, mới có thể đắc được chân chánh thọ dụng.

Chúng ta hiện nay đang kiến lập đạo tràng mới, mỗi người nếu muốn làm công đức có thể trợ giúp hoặc tham thiền hoặc làm công quả. Tham gia thiền thất là kiến lập công đức, làm công quả cũng kiến lập công đức, đây là cơ hội để cho mọi người đều đồng tâm nỗ lực đến kiến lập đạo tràng mới.

Phàm việc gì cũng không thể tốt hết hai mặt. Ví như trời mưa, người làm nông thì cảm thấy trời

mưa thấm nhuần cây cỏ, hoa màu thu hoạch tốt đẹp. Người đi đường thì cảm thấy trời mưa bùn đất lầy lội rất bất tiện, do đó suy ra sự cảm giác của mỗi người đều không giống nhau. Lúc trăng sáng tỏ, người biết thưởng thức trăng thì tâm rất vui vẻ phấn khởi, trăng sáng chiếu phá hết thảy đen tối, kẻ trộm không thể thừa lúc đen tối mà trộm cắp cho nên không cao hứng. Lại như đất màu mỡ phì nhiêu, hoa màu sinh trưởng tốt tươi, đồng thời cỏ cũng phát triển, nông dân phải bỏ công ra để tiêu diệt cỏ. Có nơi đến đều là đá, người cần đá, thấy đá thì mừng, vì lợi dụng đá có thể kiến trúc nhà cửa, nông dân thấy trong ruộng rẫy có đá thì không thích, vì không thể cày cấy, cảm thấy đá không lợi ích gì.

Sự việc trên thế gian cũng lại như thế, đồng một sự việc nhưng cảm giác của mỗi người đều không giống nhau. Ví như thầy giáo tích cực dạy học, học sinh lười biếng thì cảm thấy thầy giáo quá tích cực, bài vở quá nhiều, nhưng học trò chăm học thì cho rằng thầy giáo giỏi, khéo giảng dạy rất hoan nghênh. Tại sao việc gì cũng đều thấy có pháp đối đãi? Vì hiện tại là thời kỳ đấu tranh kiên cố, bất luận bạn làm gì cũng đều có người phá hoại, cho nên chúng ta không màng đến người khác phỉ báng, chỉ tích cực làm việc. Không những thời đại chúng ta như thế mà ngày xưa lúc Phật còn tại thế, cũng lại như thế.

Phật thì phước huệ đều viên mãn, là bậc Thánh nhân đầy đủ đức hạnh, mà còn có người phỉ báng, huống chi bây giờ là thời đại mạt pháp. Bên ngoài có rất nhiều người phê bình chúng ta, phỉ báng chúng ta vì chúng ta là chánh, phản ảnh họ bất chánh, cho nên khiến cho người khác đổ kỵ.

Từ nay về sau nếu gặp người phê bình chúng ta thì, chúng ta phải xem họ là thiện tri thức, phải thường hỏi quang phản chiếu, tiếp thọ sự phê bình. Chúng ta chỉ cần làm cho đúng, phải có con mắt chọn pháp, thì tự nhiên sẽ hiểu rõ thị phi. Cho nên :

"Thiện ngôn bất biện,
Biện ngôn bất thiện,
Trí giả bất bác,
Bác giả bất trí".

Nghĩa rằng :

*"Lời hay không cần biện luận,
Biện luận thì chẳng phải lời hay.
Kẻ trí thì chẳng làm lẫn,
Làm lẫn thì chẳng phải là kẻ trí".*

Chúng ta phải có "Nhược vô, nhược thật, nhược hư", không nên tự đại, không nên tự mãn, người khác phê bình chúng ta kiêu mạn, chúng ta phải hồi quang phản chiếu, phản tỉnh một phen. Nếu thật là kiêu mạn thì phải sửa đổi.

Lục Tổ Huệ Năng nói : "*Nếu người chân thật tu đạo thì không thấy lỗi thế gian*". Nếu chân chánh là người tu đạo thì thấy hết thấy chúng sinh tương lai đều có thể thành Phật, không thấy lỗi của thế gian. Đây là lời vàng thước ngọc, nên ghi khắc vào đá. Người khác phê bình chúng ta thì chúng ta phải phản tỉnh lời phê bình là đúng hay sai ? Nếu là đúng thì phải tiếp thọ sự chỉ đạo, nếu phê bình không đúng thì chúng ta phải biện rõ thị phi. Không nên với người có kiến thức, người có trí huệ nói lời lý trí ; người ngu si nói lời ngu si, chúng ta phải y chiếu những gì Phật nói, những lời chân thật áp dụng thực hành.

Bất luận người ta nói lời trí huệ hoặc lời ngu si, chúng ta phải tâm bình khí hòa kiểm thảo lại, nhìn xem mình là trí huệ hay là ngu si ? Nếu là ngu si thì phải học trí huệ, nếu có trí huệ thì không thể bị kẻ ngu làm lay chuyển. Chúng ta phải có con mắt chọn pháp, biện rõ pháp đúng, pháp sai, không thể bị kẻ ngu mê hoặc. Thường có tâm khiêm cung hòa ái, xem hết thấy chúng sinh đều bình đẳng, người khác phê bình chúng ta như thế nào, hãy xem họ là thiện tri thức của

chúng ta. Dem tấm lòng phóng rộng ra, xem hết thấy chúng sinh đều là thiện tri thức, nếu quán như thế thì tự nhiên tâm an lý đắc.

Thiện tri thức có hai loại, có người thiện và có kẻ ác, chúng ta phải bắt chước người pháp thiện, làm khuôn phép. Còn kẻ ác thì phải biết sợ và luôn cảnh tỉnh chớ gần gũi. Cho nên : "Phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi". Chọn lựa nếu thiện thì theo, không thiện thì tránh.

*"Muốn biết kiếp trước mình làm gì,
Nhìn xem đời này mình đang hưởng thụ,
Muốn biết đời sau như thế nào,
Xem mình đời nay làm những gì" ?*

Chúng ta luân hồi trong sáu nẻo, thoát không khỏi luật nhân quả. Nếu muốn biết nhân quả kiếp trước như thế nào ? Hãy xem hiện tại bạn đang thọ lãnh. Ví dụ đời này bạn giàu có, là do kiếp trước bạn ưa thích bố thí; đời này bạn nghèo khổ là do kiếp trước bạn không bố thí. Nếu bạn muốn biết đời sau như thế nào ? Thì hãy xem hiện tại bạn đang làm những gì ? Cho nên :

*"Thiện có quả thiện, ác có quả ác,
Chẳng phải không quả, thời khắc chưa đến".*

Xã hội hiện nay, có người giàu sang, cũng có người nghèo khổ, rất là thù đặc. Vì sao ? Đều do luật nhân quả chiêu cảm. Bố thí thì giàu sang, san tham thì bần cùng, đều do trồng nhân gì được quả đó, tư hào cũng không sai được. Nhân quả là định luật vĩnh viễn không thay đổi. Mọi người đều biết đạo lý trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, đây là nói rõ trồng nhân gì thì kết quả đó. Tôi nhớ lại một câu chuyện, nói về chân lý nhân quả, đại ý như sau :
(còn tiếp)

ĐỪNG CHỜ ĐẾN KHÁT MỚI ĐÀO GIẾNG

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Ai bảo mình lúc chưa bệnh,
toàn làm việc hồ đồ,
không biết lo gìn giữ thân.
Bệnh hậu thủy tri thân thị khổ,
Tử hậu phương tri thác dụng tâm.

Nghĩa là:

*Bệnh rồi mới biết thân này khổ,
Chết xong mới rõ làm dụng tâm.*

Đây là bệnh thông thường của chúng sinh: Khi chưa bệnh thì thế gian này thật hết sức sung sướng và đầy đủ. Đến khi bệnh, không động đậy được, không ăn uống được, mất hết tự do, chịu đủ thứ thống khổ khó nhằn, lúc đó mới biết rằng nguyên nhân cái khổ là do thân này mà ra. Nhưng lúc biết vậy thì đã quá trễ. Nên nói:

Lâm nhai lạc mã thu cương vãng.
Thuyền đáo giang tâm bỏ lậu tri !

Nghĩa là:

*Ngựa đến vực thăm, thâu cương thì quá trễ.
Thuyền tới giữa dòng, vá lỗ chặm lấm thay!*

Ai bảo lúc chưa bệnh, cứ làm việc hồ đồ, không biết lo gìn giữ thân mình. Bệnh khổ như vậy, hà huống chuyện lớn sinh tử.

"Tử hậu phương tri thác dụng tâm," chết rồi mới biết mình dùng tâm sai lầm. Bình thường mình không chịu kiểm điểm, đến khi xuống tới Diêm-vương mới biết rằng, lúc sinh tiền mình làm những chuyện không chính đáng, những chuyện sai lầm. Lúc sống thấy người niệm Phật, thì mình phỉ báng, nói rằng họ mê tín; cười cho là họ ngu si. Bây giờ có hồi hận thì đã muộn rồi! Sự đau

khổ trong núi kiếm và vạc dầu như thế nào, tự mình chiêu cảm lấy. Cho nên "Ngựa khi đã tới bờ vực thăm mới gò cương thì quá trễ. Thuyền đến giữa dòng rồi mới vá chỗ thủng thì quá chậm." Cho nên ai kêu mình không chịu chuẩn bị tương lai.

Vì thế Chu Tử nói rất hay: "Nghĩ vị vũ nhi trừ mâu, vật lâm khát nhi quật tĩnh." Nghĩa là khi trời chưa mưa thì mình phải lo sắp đặt trước; thí dụ như sửa mái nhà. Khi chưa mưa xuống mình phải mau mau chuẩn bị đôi pho những chuyện sẽ xảy ra lúc trời mưa. Như ở miền bắc Trung Hoa vì những cửa sổ làm bằng giấy, nên trước khi mưa, cửa sổ cần dán kín. Nếu cửa không dán kỹ trời mưa sẽ ướt đồ vật bên trong. Đợi mưa mới đi dán cửa sổ thì đã quá muộn rồi. Đừng chờ tới lúc khát rồi mới đào giếng. Như những người ở nơi xa xăm không có ống nước dẫn nước lại, họ phải nghĩ cách để giải quyết vấn đề cung cấp nước. Không phải chờ đến lúc khát rồi mới đi đào giếng; như vậy thì quá trễ.

Mình học Phật cũng vậy, phải hiểu rằng mọi sự vô thường, không ai thoát được cái chết. Tại sao mình không lo chuyện hạ thủ công phu để giải quyết cái chết? Cho nên:

Nhược yếu nhân bất tử,
Tiên hạ tử công phu.

Nghĩa là:

*Mình nếu muốn không chết,
Thì phải tu hết mình.*

"Tử công phu" (tu hết mình), có nghĩa là giống như ngày hôm nay mình đã thất, niệm danh hiệu Bồ-tát. Đã thất, thứ nhất là cầu thế giới hòa bình; thứ hai là vì chuyện về sau của chính bản thân mình. Thế cũng giống như chưa mưa mà mình đã chuẩn bị trước. Mình đã thất thì năm nào cũng

phải tham gia, không thể gián đoạn, như vậy mới có thể kết được đại nhân duyên với A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát. Mình cần phải niệm Đức A Di Đà Phật tới độ là coi Ngài như sư phụ của mình, xem Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát như là người bạn của mình. Nếu như được làm đệ tử của Phật, làm bạn của Bồ-tát, trải qua nhiều năm tháng, tự nhiên mình cũng sẽ trở thành bạn thân của các vị đó. Như vậy thì chư Phật Bồ-tát sẽ tiếp dẫn mình về thế giới Cực-lạc vào phút cuối cùng. Quý-vị đừng nên hồ nghi, bởi vì:

Tu Đạo chi nhân tâm mạc nghi,
Nghi tâm nhất khởi tiên đồ mê.

Nghĩa là:

*Lòng người tu Đạo chớ ngờ nghi,
Nghi ngờ nổi dậy liền mờ mê.*

Nghĩa là người tu Đạo chớ có tâm nghi ngờ, khi lòng nghi nổi dậy thì đi vào sự mê mờ. Chúng ta nên nghe lời của thiện-tri-thức, không nên có lòng nghi ngờ. Thí dụ như thiện-tri-thức nói tu hành cần phải có khổ công, thì mình phải tin như vậy. Nếu mình có lòng tin một cách triệt để nhất định sẽ được mình tâm kiến tánh, phân bổn hoàn nguyên. Do đó mình phải thường nghe lời chỉ dạy của bậc thiện-tri-thức. Nếu vị đó dạy mình "niệm Phật" thì mình nhất định phải theo lời mà niệm Phật; nếu vị ấy dạy mình "đừng buông lung" thì mình không được buông lung, đó là yếu quyết của việc tu Đạo vậy.

Như đã nói trên: "Bệnh rồi mới biết thân này khổ." Bởi vì con người mà không trải qua một cơn bệnh khổ thì không chịu phát tâm tu hành đâu. Do vậy, kẻ chưa bệnh thì không hiểu sự thống khổ.

Lại có câu rằng: "Phú quý tu đạo nan." Nghĩa rằng người giàu tu đạo rất khó, bởi vì việc gì cũng như ý cả thì làm sao họ nghĩ đến chuyện tu. Do đó nghèo với bệnh là thứ trợ duyên cho việc tu Đạo. Bệnh đến thì mình đừng âu lo, nghèo khổ cũng chớ ưu sầu. Có bài kệ như sau:

Ngã kiến tha nhân tử,
Tử tâm nhiệt như hỏa,
Bất thị nhiệt tha nhân,
Tiệm tiệm luân đảo ngã.

Nghĩa là:

*Ta thấy người ấy chết,
Lòng ta nóng như lửa,
Chẳng phải nóng cho người,
Mà từ từ lửa tới ta.*

Nghèo khổ hay bệnh hoạn hẳn nhiên giúp mình trưởng dưỡng tâm tu Đạo. Cũng như khi thấy người khác nghèo khổ, bệnh khổ, già chết, mình cũng phải phát tâm như thế. Đòi người giống như: "Trường giang, hậu lãng thôi tiền lãng." Nghĩa là "Sông Trường giang, sóng sau đẩy sóng trước." Nếu mình kịp thời phát nguyện vãng sinh, lúc gần chết, mình sẽ có sự chuẩn bị. Không vậy, lúc ấy mình hoảng sợ không biết cách đối phó. Giống như đất nước nếu không trải qua một cơn biến loạn thì nhân dân chỉ thích sống trong cảnh sung sướng an lạc, không màng đến chuyện bảo vệ đất nước. Hiện tại Phật-giáo cũng như vậy, người ta không nghĩ cách để phục hưng Phật-giáo, nên Phật-giáo đi vào tình trạng ỳ y mị.

Vì vậy mình phải đề xướng Phật-giáo; trách nhiệm không phải chỉ ở các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mà ở tại mỗi tín đồ Phật-giáo. Nếu như mỗi người chúng ta đều tự nhận trách nhiệm, thì lo gì Phật-giáo không phát triển! Hiện tại có những tín đồ Phật-giáo cho rằng đạo Phật không bằng những ngoại đạo thời nay, chẳng những họ không dám nhận mình là Phật-giáo đồ, thậm chí còn a dua với kẻ khác chê bai Phật-giáo là mê tín. Quý-vị thấy như vậy có phải là đáng thương lắm không? Giống như ở Cửu Long (Kowloon) nơi Đạo Phong Sơn có một đoàn thể ngoại đạo chuyên thu nạp những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trong Phật-giáo, tới đó để trải qua một phiên cải tạo làm cho họ mất đi gốc gác rồi trở ra phỉ báng Phật-giáo.

Do đó chân chính tin Phật thì dù chết cũng không thay đổi, luôn luôn đề cao chí khí của mình, không vì kẻ khác chê cười, không vì lợi ích mà thay đổi chí của mình. Nếu như mọi người không quên mình là tín đồ Phật-giáo thì Phật-giáo chắc chắn sẽ phục hưng.

Tuy những thứ ngoại đạo hiện đang hưng thịnh, nhưng chỉ nhất thời mà thôi. Bởi vì thiên đạo thì tuần hoàn: Vật tới cùng cực thì sẽ quay ngược lại. Quý-vị đừng để cái vẻ bên ngoài của chúng làm dao động tâm trí mình. Chân lý thì bất diệt, sự

phục hưng của Phật-giáo thì hoàn toàn dựa vào nỗ lực của đại chúng.

HỎI LỖI SINH THIÊN

Việt dịch Diệu Hạnh

Cách đây hơn hai ngàn năm về trước, ở Ấn Độ, đâu đâu cũng có thể nghe được tiếng thuyết pháp của đức Phật. Để pháp âm vi diệu được lưu truyền mãi mãi, để cứu chúng sinh đang trầm luân trong biển khổ, Ngài không ngại gian nan, không phút nào nghỉ ngơi, kim thân Ngài vì thế đã đi qua hết mọi hang cùng ngõ hẻm của nước Ấn Độ.

Có một lần, đức Phật dừng chân ở núi Linh Thứu nước Ma Kiệt Đà, thuyết pháp giảng kinh cho rất nhiều đệ tử. Lúc đó, vua nước Ma Kiệt Đà là Tần Bà Sa La Vương, dẫn đầu một đoàn đại thần rất đông lên núi Linh Thứu, chấp tay cung kính lễ chân Phật rồi bạch rằng :

Bạch Thế Tôn, Ngài là đấng giáo chủ đại bi, là đức Phật cao cả, con nay xin thỉnh cầu, duy nguyện Thế Tôn dùng ánh sáng từ bi chiếu rọi vào rừng trúc lâm, dùng đại uy lực vô úy của Phật mà hàng phục con rắn độc ở trong đó, để nó đừng hại người ta nữa.

Số là cách Vương xá Thành không xa, trong rừng trúc lâm, có một con rắn độc ghê rợn ẩn náu. Thí dụ như có người đi ngang khu rừng đó, thì lửa giận của nó phùng lên, nó bèn nhìn người ấy một cách độc ác. Nếu như người đó đến gần nó hơn một chút thì nó liền dùng khí độc làm hại, hoặc dùng răng độc cắn người ấy. Vết thương dầu nặng dầu nhẹ, cuối cùng người ấy cũng sẽ táng thân mất mạng.

Vì vậy có người mới đem chuyện này tâu lên quốc vương, thỉnh cầu vua tìm cách giải quyết. Nhà vua vui nghĩ tới nghĩ lui tìm đủ mọi biện pháp, lại vì đã có rất nhiều người muốn trừ khử con rắn độc này mà bị nó giết chết, nên vua chỉ còn một cách là đi cầu cứu đức Phật.

Đức Phật bằng lòng giúp nhà vua, nên một hôm, Ngài một mình một thân đi bộ thẳng vào khu rừng trúc, nơi con rắn độc đang ẩn náu. Con rắn

độc nhìn thấy đức Phật từ xa, tâm sân hận nổi lên, nó đăm đăm nhìn đức Phật rồi còn há miệng thật to, thè cái lưỡi đỏ ra tính vồ tới hại Ngài. Đức Phật vận dụng lực từ bi, từ mỗi đầu ngón tay của Ngài phát ra năm tia ánh sáng năm màu. Những tia ánh sáng năm màu rực rỡ này chiếu lên thân con rắn khiến nó lập tức trở nên hiền lành, độc khí tiêu tan, tâm hoan hỉ phát sinh, nó ngóc đầu lên chiêm ngưỡng đức Phật như thể đang nghĩ trong đầu rằng :

Người này từ đâu tới, tại sao lại có thể phát ra ánh sáng chiếu lên thân ta, khiến cho thân tâm ta cảm thấy mát mẻ sáng khoái như thế này ?

Đức Phật biết là con rắn độc đã được Ngài điều phục rồi, nên nói với nó rằng :

Trưởng giả Hiền Diện, trong những kiếp trước ngươi là người keo kiệt tham lam, ngươi có biết tội của mình đã làm không ? Trong thời quá khứ, ngươi tuy rất giàu sang phú quý nhưng tâm keo kiệt và đố kỵ rất mạnh, ngươi chuyên môn dối trá gạt người, không có việc ác nào mà ngươi không làm, chưa từng một lần bố thí vật gì cho ai. Cái người hành khát đáng thương kia đến xin, ngươi đã không cho hạt gạo nào thì chớ, còn nổi giận nhìn người ta, dùng ác khẩu mắng người ta. Vì thế kiếp này ngươi mới phải chịu quả báo mang lấy hình thù xấu xí, tại sao ngươi lại chưa chịu phản tỉnh mà sám hối ? Tại sao lại còn sinh tâm ác độc mà nhiều hại những người đi ngang qua đây ? Tội nghiệp của ngươi đã nặng lắm rồi, bây giờ còn tiếp tục tạo nữa, vậy ngươi muốn chịu khổ cho tới chừng nào mới ngưng ? Nếu ngươi cứ theo đà này thì quả báo khổ đau về sau sẽ vô cùng vô tận, cả ngàn vạn kiếp cũng không thoát ra được.

Âm thanh từ bi của giọng nói đức Phật đã đánh vào tận tâm can của con rắn một cách mạnh mẽ. Nó nghe pháp âm rồi, liền thấy rõ ràng điều sai quấy mình đã làm, sinh tâm tầm quý và sám hối tội lỗi trước mặt đức Phật.

Đức Phật thấy nó đã rõ ràng tự biết tội mình và thật lòng muốn cầu giải thoát, nên nói với nó :

Kiếp trước ngươi không biết làm việc thiện nên mới chịu mang thân rắn này, ngày nay ngươi biết tỉnh ngộ để lãnh hội sự giáo hóa của Phật thì ngươi có thể thoát ra khỏi biển khổ được.

Rắn độc nghe thế, tự nhiên biết mở miệng ra nói cho đức Phật hiểu được :

Thế Tôn, con không dám làm trái lời giáo huấn từ bi của Ngài, từ nay về sau con thề nguyện sẽ phụng hành.

Thế thì hãy chui vào bát của ta.

Đức Phật vừa dứt lời, con rắn đã tuân lệnh ngay, bò vào bát của Ngài. Đức Phật bèn ôm bát ra khỏi rừng trúc. Nhà vua cùng rất nhiều người nghe tin ấy, vội vàng vào rừng xem ngã ngữ câu chuyện ra sao. Khi con rắn nhìn thấy người ta, lòng cảm thấy hổ thẹn và chán ghét thân hình rắn độc của mình, liền chết ngay tại chỗ. Mệnh vừa dứt, nhờ nó đã chân thành sám hối với tâm muốn cái thiện, nên được sinh lên cung trời Đao Lợi hưởng phúc cõi trời.

Một hôm tại Trúc Lâm tinh xá, trong không trung bỗng có người ngâm kệ tán thán đức Phật rằng :

*Đại Thánh tôn cao cả
Phúc huệ đều đầy đủ
Ngày xưa con ngu si
Được Phật khai sáng mắt
Ơn như mặt trời huệ
Diệt sạch cấu phiền não,
Vượt qua biển sinh tử.
Lực Phật bất tư nghì,
Nhờ Ngài nên thân rắn
Nay được sinh cõi trời.*

Trưởng giả Hiền Diệm đã được siêu sinh. Vì thế, hỡi những người giàu có, xin đừng keo kiệt giữ rịt lấy tiền của không chịu bố thí, để khỏi bị quả báo sinh làm rắn độc về sau !

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Sutra :

Leurs noms c'étaient : Le Bodhisattva Manjusri, le Bodhisattva qui Écoute le Sons Du Monde, Le Bodhisattva qui a Obtenu La Grande Puissance, le Bodhisattva de la Vigueur Constante, le Bodhisattva est Infatigable Jamais, le Bodhisattva à la Paume Ornée, le Bodhisattva du Roi de la Médecine, le Bodhisattva qui Donne Le Courage, Le Bodhisattva de la Plein Lune, le Bodhisattva de la Grande Force, le Bodhisattva de la Force Illimitée, le Bodhisattva qui a Transcendé Les Trois Mondes, Le Bodhisattva Bhadrápala, le Bodhisattva Maitreya, le Bodhisattva de l'Accumulation de Bijoux, Le Bodhisattva Maître de la Direction, et les autres Bodhisattvas, Mahasattvas dont le nombre s'élève à quatre vingt mille en tout.

Commentaire : Quels étaient les noms de ces quatre vingt mille Mahasattvas ? Puisqu'il y en avait quatre vingt mille si nous devons inscrire tous leurs noms, le Sutra du lotus serait bien trop long. Aussi nous en avons seulement cité quelques uns qui représentent tous les autres.

Ils étaient : Le Bodhisattva Manjusri Manjushri, un mot sanskrit voulant dire « la vertu merveilleuse ou « merveilleusement favorable. « Parmi les Bodhisattvas seul Manjusri possède la plus grande sagesse c'est le plus grand sage Bodhisattva. »

Il occupe le rang le plus haut rang et son nom est inscrit en premier, c'est le Bodhisattva qui écoute attentivement les sons du monde. Il y a quatre grands Bodhisattvas :

Le Bodhisattva Manjusri, le Bodhisattva qui

écoute attentivement les sons du monde (du sanskrit Avalokitésvara, en chinois Kwan Shih Yin). L'honorable Bodhisattva Universel (en chinois P'u Hsien). Le Bodhisattva de l'Entrepôt de la Terre (en sanskrit Ksitigarbha en chinois Ti Tsang). Le Bodhisattva Manjusri demeure en Chine sur la montagne Wu T'ai où se situe son Bodhimandala. Ses réponses sont merveilleusement opérantes au-delà de tout calcul. Il avait réalisé la Bouddhité depuis d'innombrables Kalpas fut appelée Bouddha de la Race des Dragons Honorés. Après avoir réalisé la Bouddhité, il cachait la grande et manifestait la petite, afin de pratiquer la voie du Bodhisattva, d'enseigner et de transformer les êtres vivants et aider le Bouddha à diffuser le Dharma. Ses perceptions, ses connaissances spirituelles et ses fonctions miraculeuses sont inconcevables.

En Chine, le dernier vieux Maître contemporain, le plus grand vénérable Hsu Yin, fit le serment de réaliser un pèlerinage à la montagne Wu Tai afin d'honorer Bodhisattva Manjusri en effectuant une prosternation tous les trois pas. Il commença son voyage à partir de P'u T'ou, une île située dans la mer de Chine, au sud de la Chine, à mille kilomètres de la montagne de Wu Tai à Shansi. Il fit trois pas, se prosterna jusqu'au sol. Ensuite, il se redressa, fit trois pas et se prosterna à nouveau, il fit tout cela dans le seul but de présenter ses respects au Bodhisattva Manjusri, espérant une réponse de sa part qui puisse l'aider à atteindre la sagesse et à devenir un grand sage comme lui. Une prosternation tous les trois pas sur une distance d'environ mille kilomètres, combien de temps ce pèlerinage avait-il duré ? à votre avis ? Si vous souhaitez en connaître les détails, lisez les biographies écrites par Niem P'u ou Hua Chuan à propos du vieux maître Hsu. Lorsque le vénérable Hsu Yin atteignit le Fleuve Jaune c'est en hiver, il neigeait. Il se réfugiait dans une chaumière d'un vieux marchand située

sur les rives du fleuve. La neige tombait sans cesse et le vénérable Hsu Yin était sur le point de mourir de froid et de faim.

Passait alors un vieux mendiant. Celui-ci fit fondre la neige dans un poêle fit cuire le riz jaune et l'offrit au vieux maître. Après avoir mangé, le vieux maître se sentait revenir à la vie, demanda au mendiant son nom.

« Mon nom est Wen » répondit le mendiant.

« Et quel est votre prénom ? » demanda le maître

« on m'appelle Wen Chi, » répondit de nouveau le mendiant et il poursuivit

« D'où venez-vous ? ».

« Je viens de la montagne de Pu' T'ou dans la mer de la chine du sud », répondit le maître.

A l'aube, Wen Chi prit encore de la neige pour faire cuire le riz gluant, montrant le contenu de la casserole, il dit :

« Avez-vous ceci dans la mer de la Chine du sud ? »

Le maître répondit, « non »

« Alors que boivent les gens là bas ? »

« De l'eau ».

Pendant ce temps, la neige était fondue en eau. Le mendiant la lui montra lui posant la question suivante : « et ceci qu'est ce que c'est ? »

Le vieux maître restait interloqué.

Tous deux décidaient de voyager ensemble à la montagne de Wu T'ai. Le mendiant ne faisait pas de genuflexion ; il portait le bagage du maître. Débarassé du lourd sac, les prosternations et les marches de ce dernier étaient beaucoup plus aisées. Auparavant s'incliner, puis se redresser lui avaient demandé un grand effort. A présent déchargé de son fardeau, il était plus alerte, se prosternait plus vite. Ce faisant le vieux maître demanda à Wen Chi, « d'où venez-vous ? »

« Je viens de la montagne Wu T'ai, dit le mendiant, où tous les moines me connaissent. Ils sont tous mes bons amis ».

Ils continuaient leur voyage. Quelques fois, ils restaient dans les monastères situés le long de la route, et les moines se liguèrent contre le mendiant et accusaient le maître. « Si vous faites un pèlerinage, faites-le tout seul. Si vous vous prosternez, alors prosternez-vous à votre guise, pourquoi avez vous besoin d'un gardien ? Quel genre de comédie faites-vous ? Raillaient-ils.

Partout où ils allaient, ils étaient harcelés. Parfois on leur interdisait d'entrer dans les temples, on les jetait impitoyablement à la porte. Ils étaient partout maltraités.

Le mendiant endurait sans broncher toutes ces

méchancetés mais lorsque arrivés presque à la montagne de Wu T'ai, il déclara soudainement qu'il en avait assez de ces mauvais traitements de la part des moines et dit au Maître « Avancez, quelqu'un viendra vous aider, mais je dois vous quitter maintenant », et il fit ses adieux. Alors le maître poursuivait seul son chemin et, comme a prédit le mendiant, il rencontra bientôt un chariot à cheval conduit par un mandarin. Ce dernier s'arrêta et mit le sac du maître dans le char et le maître continua son chemin en effectuant toujours une prosternation tous les trois pas.

Lorsqu'ils arrivaient à la montagne de Wu T'ai, le maître demanda aux moines s'ils connaissaient un mendiant nommé Wen Chi. Mais personne, pas un moine de la montagne de Wu T'ai ne se souvenait d'un tel mendiant. Plus tard, quelqu'un demanda au maître, « Quel était le nom du mendiant ? »

« Wen Chi » répond le maître.

« Oh ! » Vous avez rencontré le Bodhisattva Manjusri ! Wen signifie Wen Shu Shih Li (la traduction en Chinois de Manjusri) et Chi veut dire « Favorable » Le mendiant était le merveilleusement favorable Bodhisattva Manjusri. Ainsi le vénérable Maître Hsu Lao avait fait tout le chemin en effectuant des prosternations jusqu'à la montagne de Wu T'ai espérant une réponse magique du Bodhisattva Manjusri, il l'avait touché et l'avait incité à venir l'aider à porter son sac. Le Maître Hsu Yin avait fait un voyage extrêmement difficile, plus de mille kilomètres avec un seul but : Honorer le Bodhisattva Manjusri et pourtant pendant très longtemps Bodhisattva Manjusri marchait à ses côtés, lui portait son bagage mais il ne le reconnaissait pas, il se rendit compte seulement beaucoup plus tard. Tels sont les merveilleux événements à propos du Bodhisattva Manjusri qui sont en effet inconcevables.

Le Bodhisattva est vraiment merveilleux, il s'est changé en un mendiant. Il aurait pu se changer en un vieux riche conduisant une charrette tirée par un cheval pour aider le maître. Il a préféré marcher à ses côtés et partager ses dures conditions.

De pareils faits miraculeux sont très nombreux, mais nous n'allons pas les aborder maintenant.

Le Bodhisattva Manjusri, « la merveilleuse vertu », ou « merveilleusement heureux », est un Bodhisattva très spécial. A Sa naissance survinrent dix événements extraordinaires qui annoncèrent son destin exceptionnel par rapport

aux autres Bodhisattvas. Manjusri est connu pour sa grande sagesse.

« Mais le vénérable Shariputra est connu aussi pour sa sagesse. « vous pouvez vous demander. « quelle est la différence entre ces deux types de sagesse ? »

La sagesse de Shariputra est une sagesse limitée (provisoire) et la sagesse de Manjusri est une sagesse illimitée. La sagesse de Shariputra est la sagesse d'Hinayana, la sagesse de Manjusri est la sagesse de Manhayana.

Quels étaient les dix favorables augures exceptionnels apparus à la naissance de Manjusri.

1. La chambre fut remplie d'une lumière éclatante, plus brillante que toute source de lumière électrique actuelle, elle symbolise la grande sagesse du Bodhisattva.

2. les récipients se remplissaient de rosée sucrée, possédant un pouvoir miraculeux. La boire non seulement vous permettaient de guérir toute maladie, au lieu de devoir subir le cycle inexorable de la naissance, la vieillesse et la mort, vous connaîtrez seulement la naissance, la vieillesse et la mort vous serez épargné de la maladie.

3. Apparition des sept matières précieuses : L'or, l'argent, le lazulite, le cristal, la nacre, les perles rouges et le carnelier

Pourquoi ces matières précieuses apparaissaient-elles ?

Manjusri avait cultivé les six perfections et les dix mille conduites jusqu'à la perfection, résultat partout où il se trouvait les pierres précieuses apparurent.

4. les dieux révélèrent des trésors. Les grands pouvoirs spirituels du Bodhisattva Manjusri firent ouvrir la terre d'où apparurent beaucoup de trésors qu'elle contenait. Les richesses contenues dans ses entrailles selon le troisième présage étaient les sept pierres précieuses jaillissant de la terre, quand celle-ci s'ouvrit.

5. les poules mettaient au monde des phénix. C'était un événement encore plus rare que le présage ci-dessus. Normalement les poules mettent au monde seulement des poussins. Mais à la naissance de Manjusri un événement extraordinairement spécial apparut, elles mettaient au monde des phénix.

6. Les cochons donnaient naissance aux dragons. C'était un événement encore plus exceptionnel que les poules qui mettaient au monde des phénix. Et si vous pensez qu'il s'agit d'un événement pas assez extraordinaire, écoutez plutôt le septième et huitième augure.

7. les chevaux mettaient au monde des

licornes. Quelqu'un sait-il le huitième augure ? Bien sûr que non, puisque je ne vous l'ai pas encore dit mais après ce que je vais vous raconter, vous vous en souviendrez toujours.

8. les vaches mettaient au monde des tsais blancs. Le tsai blanc est un animal extrêmement rare et favorable. Il ne ressemble ni au bœuf ni au cheval, à aucun animal de ce monde. Il a l'air d'un cheval, mais il a les sabots d'un bœuf. On le classe dans une catégorie à part.

9. Les grains dans les entrepôts se changèrent en or. Etrange n'est ce pas ? Certains d'entre vous pensent probablement que c'est tellement incroyable pour être vrai, donc ils n'y croient pas, c'est parce qu'il n'y comprennent rien. Sans doute parce qu'il n'ont jamais rencontré de pareils événements auparavant. Alors comment pourraient-ils y croire ?

Nous vivons dans un monde limité donc nous avons un aperçu limité aussi.

Ce que nous avons vu et entendu est extrêmement limité, par conséquent, il n'est pas étonnant qu'il y ait des phénomènes extraordinaires dont nous n'avons pas la connaissance. Lorsque le grain se transforma en or, on ne pouvait pas le consommer comme un aliment, mais par contre quelques grains en or pouvaient être échangés contre beaucoup de nourritures. (à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Ayant entendu ceci, le Prince ne pouvait rien dire. "Très bien." Dit-il. "Vous avez couvert la terre avec des pièces d'or, mais pas les arbres. Voilà ce que nous allons faire. Nous nous partagerons : La terre que vous avez couverte d'or vous appartient, mais les arbres sont à moi. Cependant je ne les veux pas pour moi tout seul. J'en ferai offrande au Bouddha, ainsi nous pourrons offrir ce jardin au Bouddha. L'ancien Sudatta n'avait d'autre choix que d'accepter les conditions du Prince Jeta. Ainsi le lieu était nommé le Bosquet de Jeta dans le Jardin du Bienfaiteur des orphelins et des solitaires. Sudatta était aussi connu comme Anathapindaka, le Bienfaiteur des orphelins et des solitaires, parce qu'il prenait plaisir à aider les veufs, les veuves, les orphelins et les solitaires, c'est-à-dire des couples âgés qui n'ayant pas d'enfants. Ses actions vertueuses lui gagnaient un titre décerné aux personnes âgées de grande vertu.

Comment explique-t-on le nom Prince Jeta ?

Le Prince Jeta était né le jour où son père, le Roi Prasenajit, rentrait victorieux d'une bataille contre un pays voisin, c'est pourquoi il a donné à son fils le nom de Jeta : Victoire à la guerre.

Voilà l'histoire du sublime demeure du Bosquet de Jeta. Après l'achat des terres chez le Prince Jeta, le vieux Sudatta dépensait encore de grosses sommes d'argent dans la construction d'une sublime résidence.

Sutra : Avec une assemblée de grands Bhikshus, mille deux cents en tout.

Commentaire : L'assemblée réunissant les grands Bhikshus les grands Arhats et les Bodhisattvas des dix directions constitue la réalisation d'une audience.

Les Sutras enseignés par le Bouddha ne sont jamais imprécis, ni sans rapport. Ils n'étaient pas enseignés au hasard. Tout Sutra a ses six réalisations au début, car tant que ces six réalisations n'ont pas été constituées une assemblée du Dharma ne peut alors être établie et le Dharma ne peut être enseigné.

Les grands Bhikshus sont différents des petits Bhikshus. Les grands Bhikshus sont dans leur pratique à l'étape où ils sont sur le point d'atteindre l'éveil. Bhikshu est un mot sanskrit ayant trois significations : un mendiant, un effrayeur du Mara et un destructeur du mal.

Un Bhikshu est un mendiant qui, prenant son bol à aumônes dans ses mains, mendie de la nourriture dans la rue. Il ne mendie pas seulement chez les riches en évitant les pauvres ou inversement. Un Bhikshu doit pratiquer l'équanimité dans sa mendicité, ce qui veut dire qu'il doit aller strictement de porte à porte et pas plus de sept maisons. C'est pourquoi on dit : "On ne devrait pas éviter les pauvres et aller chez les riches, ni ignorer le modeste et chercher l'honorable."

Quand quelqu'un est sur le point de prendre les vœux d'un Bhikshu, il fait face aux trois Maîtres et sept Certificateurs. Les trois Maîtres sont le transmetteur de vœux, le Karmadana et le transmetteur de l'enseignement. Les sept Certificateurs agissent comme des garants qu'en étant un moine, le Bhikshu n'enfreindra pas les règles de manger purement ou ne brisera pas les vœux. Quand les vœux sont transmis, le Karmadana demande : "Avez-vous généré l'esprit d'éveil ?"

La réponse est : "J'ai déjà généré l'esprit d'éveil."

Il demande aussi : "Êtes-vous un grand héros ?"

L'ordonné doit donner la réponse : "Oui, je suis un grand héros."

Quand les questions sont répondues de cette façon, un esprit Rakshasa qui fait le tour de la terre, un être de notre monde qui enregistre le bien et le mal, dit : "Maintenant, la suite du Bouddha a augmenté d'un membre et la suite de Mara en a diminué d'un." Rakshasa, celui qui fait le tour de la terre, transmet cette nouvelle à l'esprit Yaksha, le voyageur de l'espace, qui à son tour, transmet la nouvelle à travers l'espace jusqu'au sixième ciel du désir où demeure Mara. Quand Mara, le roi des démons célestes, entend

la nouvelle, il est en effrayé. C'est pourquoi la deuxième signification d'un Bhikshu est : effrayeur du Mara.

Un Bhikshu est aussi un destructeur du mal parce qu'il rompt les maux de l'ignorance et les émotions perturbatrices.

Puisque le mot Bhiksu a trois significations, il tombe dans la catégorie des noms non-traduits parce qu'ils contiennent beaucoup de significations et d'après les règles de traduction posées par le Maître du Dharma Hsuan Tsang pendant la dynastie T'ang en Chine, il reste en Sanscrit.

Il y avait en réalité mille deux cents cinquante cinq grands Bhikshus dans l'assemblée du Bosquet de Jeta, mais le nombre était arrondi à mille deux cent cinquante en tout. Ces disciples constituaient la suite constante du Bouddha. Auparavant, la plupart d'entre eux avaient adhéré aux voies non-bouddhistes, mais en recevant l'enseignement du Bouddha, ils furent transformés et touchés par la profonde bonté du Bouddha ils adhéraient au Bouddhisme, et demeuraient constamment à ses côtés.

Parmi ces mille deux cents cinquante Bhiksus, le Bouddha avait d'abord sauvé Ajnatakaudinya et les quatre des cinq Bhikshus dans le parc des cerfs. Ensuite, il convertissait les trois frères Kassapa qui étaient des adorateurs du feu. Quand ceux-ci prenaient refuge avec le Bouddha, ils emmenaient leurs mille disciples avec eux afin de prendre refuge aussi. Cela fait mille et cinq disciples. Maudgalana et Shariputra avaient chacun cent disciples : Ce qui portait le nombre total à mille deux cents cinq. Ensuite, la conversion de Yashas, fils d'un ancien marchand très fortuné et de cinquante disciples de ce dernier, portait le nombre total à mille deux cents cinquante cinq disciples en tout.

Que voulait-il dire par une assemblée ? Une personne ne peut pas être appelée une assemblée, ni deux, ni trois. Il faut quatre ou plus pour former une assemblée. Dans ce cas pourtant, l'assemblée consiste non seulement pas plus que quatre mais plus que mille deux cents cinquante.

Voici comment Ajnatakaudinya devint le premier disciple du Bouddha. Dans une vie antérieure, le Bouddha était un yogui patient qui pratiquant la voie dans les montagnes. Il pratiquait la patience avant l'insulte. Un jour, le roi Kalinga allait chasser dans la montagne emmenant avec lui une

suite de concubines, de servantes du palais, de ministres et d'officiers. Pendant que le roi chassait, les concubines faisaient un tour sur la montagne et rencontraient le yogui patient. Les concubines, qui ayant rarement quitté le palais, n'avaient jamais vu une personne comme lui auparavant, avec une longue barbe et aux cheveux embrouillés. Bien qu'il fut un pratiquant, les concubines pensaient qu'il était un gnome et alors elles s'approchèrent plus près et lui demandèrent : "Qu'est-ce que vous faites ?"

"Je pratique la voie. Je pratique le Bouddhadharma", répondit le vieux pratiquant. Les concubines n'avaient jamais entendu parler de Bouddhadharma ni du Bouddha même elles furent complètement déconcertées par sa réponse. Leur curiosité les emportèrent et elles s'approchèrent pour jeter un coup d'œil furtif sur le vieux pratiquant. Elles se pressèrent autour de lui.

De retour de sa partie de chasse, le roi Kalinga s'aperçut que ses belles concubines étaient disparues. Il les chercha et les trouva en train d'entourer un homme barbu aux cheveux longs. Le spectacle enflamma le roi de jalousie. Il se dit : "Cet homme a séduit mes belles femmes ! Elles ne s'intéressent plus à moi." Il demandait à haute voix : "Qu'est-ce que vous faites ?"

"Je pratique la patience." Répondit le vieux pratiquant.

"Que voulez-vous dire par patience ?"

"La patience veut dire : Quels que soient les maux que vous m'infligeriez, je les supporterai sans me plaindre."

"Vraiment ?" Dit le roi Kalinga. "Est-ce que vraiment, vous en seriez capable ? Je ne crois pas que vous puissiez le faire. Si vous aviez réellement de la patience, pourquoi avez-vous séduit mes femmes ? Maintenant qu'elles sont devenues si proches de vous et qu'elles sont tombées amoureuses de vous, à l'avenir elles s'enfuiront certainement du palais."

"Non. Je ne séduis pas vos femmes. Je leur enseigne le Dharma, leur apprend à être patient."

"Patient." Crachait le roi. "Ainsi, vous pouvez être patient. Hein ? D'accord, je vais vous mettre à l'épreuve. Voyons si vous en êtes capable." Et il coupa l'oreille du pratiquant. "Pouvez-vous le supporter ?" Criait-il. "Êtes-vous en colère ?"

"Je ne suis pas en colère." Répondit le vieux pratiquant.

Ensuite le roi trancha le nez du pratiquant.

"Êtes-vous en colère." Demanda-t-il. " Eprenez-vous des émotions perturbatrices ? Me détestez-vous ?"

"Je n'éprouve aucune émotion perturbatrice, je suis absolument calme." Répondit le vieux pratiquant.

"Je ne suis pas en colère contre vous."

"Est-ce vrai ? N'êtes-vous réellement pas en colère ?" Cria le roi. "Très bien. Je vais vous couper la main." Il le fit en un coup de vent. "Vous ne me détestez toujours pas ?"

Le vieux pratiquant, incarnation passée du Bouddha Sakyamuni, dit au roi Kalinga : "Je ne vous hais pas."

"Alors je vais vous couper l'autre main !" Et le roi fit tomber son épée encore une fois sur le vieux pratiquant. "Êtes-vous en colère ?"

"Je ne suis toujours pas en colère." Répondit le vieux pratiquant.

"Ah, vous ne distinguez pas la vérité du faux. Tenez, je vous coupe le pied. Êtes-vous en colère maintenant ?"

"Je ne suis pas en colère."

Le roi lui coupa l'autre pied, ce qui signifiait qu'il avait coupé tous les quatre membres du vieux pratiquant. "Vous ne me détestez toujours pas ?" Demanda-t-il.

Le vieux pratiquant répondit : "Je ne vous hais toujours pas."

"Vous mentez !" Cria le roi. "Personne en ce monde ne pourrait jamais ne pas se mettre en colère après qu'on lui a coupé tous les quatre membres de son corps. Je ne vous crois pas. Je ne crois vraiment pas que cela puisse être ainsi."

A ce moment, le vieux pratiquant formula un vœu.

"Si j'éprouve la moindre colère contre vous, s'adressa-t-il au roi, alors mes quatre membres repousseront et mon corps retrouvera sa forme initiale. Mais si j'étais en colère, mes mains et mes pieds ne rejoindront pas mon corps et mon nez et mon oreille ne repousseront pas." Dès qu'il eût fini de parler, ses mains, ses pieds, ses oreilles et son nez qui avaient été complètement désunis repoussèrent à nouveau.

"Quel genre de monstre étrange êtes-vous." Cria le roi Kalinga. "Quel miracle a-t-il accompli pour faire repousser ses mains et ses pieds sur son corps ? Un démon !" Conclua le roi en s'adressant à ses ministres et ses concubines.

Dès que ces pensées surgirent dans son esprit, les protecteurs du Dharma et les dieux firent tomber une averse de grêle sur le roi pour le punir.

Alors, le vieux pratiquant fit un autre vœu.

"Les protecteurs du Dharma et les bons esprit, ne le punissez pas, s'il vous plaît. Je lui ai déjà pardonné." Dit-il. Puis il s'adressa au roi : "Dans le futur, quand je réaliserai l'état de Bouddha, vous serez le premier que je mènerai jusqu'à la Bouddhité."

C'est la raison pour la quelle, quand le Bouddha Sakyamuni avait réalisé l'état de Bouddha, la première personne qu'il sauvait était Ajnatakaundinya, qui n'était autre que le roi Kalinga dans une incarnation passée.

Après avoir réalisé l'état de Bouddha, le pouvoir de son vœu le conduisait immédiatement au parc des cerfs sauvages pour sauver les cinq Bhikshus dont le premier était Ajnatakaundinya. Quand les gens font un vœu, un lien est créé. Donc vous devriez faire des vœux d'être bon envers les gens et de les secourir, et prenez garde de ne pas jurer de tuer les gens. Si vous jurez de tuer les gens, dans l'avenir, les gens jureraient de vous tuer. Et il n'y aurait pas de fin au cycle de la tuerie. Si vous faites le vœu de mener les êtres à l'état de Bouddha, alors nous pourrons tous réaliser l'état de Bouddha ensemble et tout le monde obtiendra la félicité de la terre pure. Soyez bons envers les gens, même s'ils ne sont pas bons envers vous. Nous devrions avoir la même patience que celle possédée par le yogui patient qui, bien loin de se mettre en colère, a fait vœu de secourir son agresseur qui avait découpé ses membres. Les disciples du Bouddhadharma devraient imiter cet esprit de magnanimité.

(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra : 9. SA DWO PI BI

Poème :

Tout d'abord, cherchant le chemin menant à la sagesse du Bouddha,

Ensuite transformant les êtres vivants par la compassion,

Régularisez et maîtrisez bien le corps, la bouche et l'esprit.

Expliquez largement le discours suprême sur la cupidité, la colère et la stupidité.

Commentaire : SA DWO est un Bodhisattva, un être d'un grand esprit pour la voie. PI BI, est parfois traduit comme « régularisez bien » et parfois comme « soumission ». En général, cela signifie : Quand vous pratiquez la voie, vous devez vous débarrasser de vos fautes.

"Tout d'abord, cherchant le chemin menant à la sagesse du Bouddha, ensuite transformant les êtres par la compassion", en étant de la même substance, les Bodhisattvas se confondent avec tous les êtres vivants.

"Régularisez et maîtrisez bien le corps, la bouche et l'esprit", quand ils appliquent la voie, ils régularisent et maîtrisent le Karma créé par le corps, la bouche et l'esprit. Ils se débarrassent des dix mauvaises actions.

"Expliquez largement le discours suprême sur la cupidité, la colère et la stupidité", ils expliquent aux êtres vivants en détail le mal engendré par la cupidité, la haine et la stupidité. Ils répètent ce message maintes et maintes fois

Cette avidité, cette haine et cette stupidité sont nocives. La septième, huitième et neuvième lignes représentent la prise de refuge auprès des saints et des sages du Sangha.

Ainsi, la traduction de ces lignes se lit : prendre refuge auprès de tous les grands Bodhisattvas et avec un esprit sincère, rendre service à tous les

saints et les sages. L'explication dit : SA PE est « tout ». BWO TWO MWO TWO est « Bouddha » BWO DI est quelque fois MWO DI et PU TI, qui se traduit comme « voie éclairée » Bodhi. Les Bodhisattvas sur le premier plan ont pénétré bien la voie du Bouddha. Celui-ci désigne les dix sages positions. SA DWO est parfois SA DAN FEI le CHASTRA

CHIH TU dit, « Sa Dwo » veut dire entraînant les êtres vivants à l'accomplissement. le Maître Dharma

CHAO dit, « dans le Chin », il est connu comme « celui du grand esprit qui cherche la voie ».

« L'école Hsien Shou dit, « au-dessus, la fonction de la sagesse est de chercher la voie du Bouddha ; en-dessous, la fonction de la compassion est d'enseigner les êtres vivants » comme pour PI BI, le maître Kumarajria dit « PI NI dans la dynastie du Ch'in est connu comme « régularisant bien ». Ceci désigne la régularisation des fautes du karma du corps, de la bouche et de l'esprit. Le Tzin Shu dit, PI NI CHYE signifie « soumission ». PI NI CHYE est une autre transcription de PI BI. Un autre Shastra nommé PI PE SHA dit, « il est traduit comme grande compréhension et explication fondamentale : ce sont des autres sens du PI BI. PI YAU (aussi PI YEN), dans la division secrète est traduit comme « le supérieur dans plusieurs manières, « la signification dans les trois comme les cinq véhicules, le véhicule du Bodhisattva c'est le supérieur. Ceci se réfère aux trois dignes positions. C'est prendre refuge auprès du trésor du Sangha, la multiplicité de véhicules du grand Bodhisattva.

Mantra :

10. NA MWO SA DWO NAN

Poème :

Le grand courageux doté d'un grand esprit pour la voie,

Comme un lotus qui n'est pas souillé par la boue.

Durant les six moments du jour et de la nuit, toujours vigilant et alerte,

Faisant constamment fondre le vrai or dans le feu.

Commentaire : SA DWO NAN désigne « Celui qui possède un grand courage. Alors, la ligne entière se lit, « prenant refuge en celui qui a un grand courage. » Celui du grand courage est capable de faire ce que les autres n'osent pas faire et pratiquent ce que la plupart n'osent pas pratiquer. On peut faire les plus grands sacrifices n'espérant rien en retour. Le mot, « grand » est utilisé parce qu'il désigne la sagesse du Bouddha. C'est aussi « celui qui possède la grande compréhension », « un grand esprit pour la voie ». « Parmi les gens, c'est celui qui éclairé en premier ».

« Le grand courageux d'un grand esprit pour la voie », doté d'un grand courage, capable de faire ce que les autres ne peuvent pas faire et pratiquer ce que les autres ne peuvent pas pratiquer, capable d'être patient alors que les autres ne peuvent pas l'être et endurer ce que les autres ne peuvent pas endurer. Il vit à l'intérieur de la souillure et pourtant il n'en est pas souillé. Son cœur, son esprit, restent toujours séparés de la poussière. Comme un lotus qui vit dans la boue, qui s'élève de la boue, et cependant, il est toujours pur, resplendissant, sans la moindre tache de boue ni de poussière, lorsqu'il fleurit à la surface de l'eau. De même un Bodhisattva doit posséder un grand courage et un grand esprit pour cultiver la voie. Pendant les six moments de la journée et de la nuit, il est toujours vigilant et alerte, travaillant durement sans relâche, sans repos. Observant strictement et assidûment les préceptes, le SAMADHI et la sagesse, se débarrassant de toute cupidité, de haine, et de stupidité.

En faisant constamment fondre le véritable or dans le feu, durant les six moments du jour et de la nuit, vous devez toujours vous observer sans jamais vous reposer. Toujours en examen de conscience. Ayez toujours des propos sensés clairs, jamais de bavardages inutiles, pas de critique à l'égard d'autrui à l'heure de manger ou de dormir. Faire fondre l'or dans le feu est très difficile, mais étant dans le monde du SAHA comme étant dans un puits de feu, dans ce puits de feu féroce, nous fondons l'or.

Mantra :

11. SAN MYAN SAN PU TWO

Poème :

Tous les bouddhas dans les dix directions et les trois périodes du temps,

Renoncent à leur vie pour le Dharma et amassent le mérite et la vertu.

Pendant plusieurs Kalpas ils pratiquent la voie du Bodhisattva,

Nourrissant le tigre, sauvant l'aigle, à la poursuite du Dharma.

Commentaire : SAN MYAU SAN PU TWO, les Bouddhas des dix directions et des trois périodes du temps. Tous les Bouddhas dans les dix directions et les trois périodes du temps, renonçaient à leur vie pour le Dharma et amassant ainsi le mérite et la vertu. Quand ils pratiquaient la voie du Bodhisattva, ils se sacrifiaient dans l'intérêt du Dharma et accumulaient le mérite et la vertu, et ce faisant pendant plusieurs Kalpas.

Comment un Bouddha devient-il un Bouddha ? il devient un Bouddha en pratiquant vie après vie la voie du Bodhisattva, il bénéficiait toujours des autres, jamais de lui-même. Il a toujours voulu aider les autres gens pas lui-même. Il a toujours voulu les autres. Ainsi dit le poème, « nourrissant le tigre, sauvant l'aigle, à la poursuite du Dharma » : Dans l'intérêt de la poursuite recherche du Dharma, il renonça sa vie entière pour seulement la moitié du poème. Parce qu'il chercha le Dharma, il s'est sacrifié pour sauver un tigre. Et parce qu'il chercha le Dharma, il coupa sa chair pour nourrir un aigle. (à suivre)

LE MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

A suivre

Si vous pouvez réciter le Mantra de la Grande Compassion, ou seulement juste la première ligne, vous réaliserez le « Dharma d'accomplissement ». Chacun de vos souhaits sera réalisé. Vous réussirez dans tout ce que vous entreprendrez. Si vous n'avez pas de fils, et que vous en désirez un, il vous suffit de réciter « Na Mwo He la Da Nwo Dwo La Ye Ye » vos souhaits seront exaucés. Mais vous devez réciter avec un cœur sincère et pas seulement un ou deux jours, mais au moins pendant trois ans. Si vous n'avez pas d'amis, récitez simplement cette phrase et vous en aurez. Si vous pouvez le réciter en entier, ce serait encore merveilleux, mais si vous ne le pouvez pas, seule, la première phrase vous aidera à obtenir un résultat inconcevable. Cette phrase du Mantra est aussi un « Dharma de la provocation d'abandon ». Elle provoque les démons célestes et ceux des autres religions de se rendre lorsqu'ils l'entendent. Pourtant cette phrase n'est pas un « Dharma de conquête et de capture ». Quand vous récitez ce Mantra, les Dharmas de conquête et de capture empoignent tous les démons étranges et bizarres et les tiennent prisonniers. Ainsi la force de cette phrase est inconcevable.

« Na Mwo » signifie « changer de vie et se soumettre respectueusement ». « He La Da Nwo » veut dire « Joyau ». « Dwo La Ye » signifie « trois ». Ye signifie "vénéré". Cela signifie donc que nous devrions vouer notre corps, notre cœur, notre vie et prendre refuge auprès des Trois Joyaux des dix directions illimitées et des trois périodes du temps. Nous devrions vénérer les Trois Joyaux. Car les Bouddhas du passé, du présent et du futur sont infiniment grandioses ainsi que les Trois Joyaux.

2. NA MWO E LI YE.

Comme cela a déjà été expliqué, Na Mwo signifie « offrir sa vie et se soumettre respectueusement ». Cultiver respectueusement sous la protection des Bouddhas et des Bodhisattvas.

E Li signifie « le sage ». Ce qui veut dire aussi « éloigné de toutes les lois mauvaises et malsaines ». On devrait rester éloigné de toute mauvaise loi.

3. PWO LU JYE DI SHAU BWO LA YE.

Pwo lu Jye Di signifie « contempler ». D'autres le traduisent comme « illuminer » comme dans le mot Vairocana, « une lumière universellement brillante et claire ». Il est traduit aussi comme « celui qui contemple et regarde », c'est-à-dire qui observe les mondes. Shau Bwo La Ye signifie « consolation ». L'ensemble de la phrase signifie « contemplation consolatrice ». C'est le Bodhisattva Avalokiteshvara, le Bodhisattva qui écoute les sons du monde.

4. PU TI SA TWO PE YE.

Tout le monde sait que Pu Ti veut dire Bodhi « illumination ». Sa Two signifie « traverser » le monde des êtres vivants. Pu Ti Sa Two Pe Ye veut dire que les Bodhisattvas s'illuminent et se libèrent. Ils se réveillent et ils voient à travers les êtres vivants. Pe Ye a toujours la signification de « vénérer ». Ye veut dire « baisser la tête en touchant la terre pour vénérer ». Qui vénère-t-on ? On s'incline devant le Bodhisattva illuminé et libéré. L'explication dit que ceci est le non vide du Bodhisattva du lasso qui dirige les troupes des esprits. Quand vous récitez cette phrase du Mantra, le Bodhisattva du Non vide du lasso envoie les troupes célestes et les généraux célestes pour vous protéger.

5. MWO HE SA TWO PE YE.

Mwo He a trois significations « grand, beaucoup et victorieux ». Mwo He : beaucoup de gens ont fait naître le cœur du Bodhi. Ceux qui ont fait naître le cœur du bodhi, ont tous obtenu l'accomplissement et ont tous été victorieux.

Sa Two a une signification différente de celle qui a été déjà expliqué et qui signifie « traverser », ici il a un autre sens qui est

« personne héroïque » c'est-à-dire « courageuse et sans peur ». Il signifie aussi « personne vigoureuses » et fait allusion à celui qui pratique avec un grand effort et qui s'avance vigoureusement. Pe Ye signifie encore « vénérer ».

L'ensemble de la phrase signifie : « je me prosterne pour vénérer le grand Bodhisattva courageux et vigoureux et qui a fait naître le cœur du grand Bodhi. « Les Bodhisattvas s'illuminent et se libèrent. Ils illuminent les autres et se libèrent aussi eux-mêmes.

6. MWO HE JYA LU NI JYA YE.

Mwo He à nouveau signifie « grand, beaucoup et victorieux ». Jya Lu veut dire « compassion ». Ni Jya signifie « le cœur ». L'ensemble de la phrase signifie le « cœur de la grande compassion ». Ye veut dire « vénérer ». La signification est que nous devrions nous incliner pour vénérer le Mantra du Dharma de l'Esprit du Cœur de la Grande Compassion.

7. NAN.

Nan veut dire « la mère d'origine ». C'est aussi « l a mère du Mantra » et la mère du Bouddha ». La mère du Bouddha est simplement la mère de tous les cœurs des êtres vivants parce que les cœurs des êtres vivants contiennent toute la sagesse de la mère d'origine. A travers la pouvoir du Mantra, dix portes du Dharma s'élèvent :

1. **La première est le mot.**
2. **La deuxième est l'expression.**
3. **La troisième est la sagesse** : avec l'épée de la sagesse, on coupe toute affliction. La sagesse se reporte à la porte du Prajna Paramita, la perfection de la sagesse.
4. **Contemplation** : se réfère à la porte du Dhyana Paramita, la perfection de la méditation Dhyana.
5. **La cinquième est la pratique.** On pratique selon le Dharma.
6. **La sixième est le vœu.** On devrait prêter le serment de pratiquer cette porte du Dharma.
7. **La septième est l'enseignement.** Vous devriez faire le vœu de pratiquer en accord avec l'enseignement du bouddha. Si vous ne le pratiquez pas selon ces enseignements, alors même si vous pratiquiez pendant autant d'éons que de grains de sables dans le Gange, vous ne réussiriez pas. C'est comme si vous faites cuire du sable en espérant qu'il devienne du riz, mais rien ne se passera. Cependant, pour pouvoir pratiquer correctement cet

enseignement du Bouddha, on doit d'abord comprendre la doctrine.

8. **Par conséquent la huitième est la doctrine**, c'est-à-dire le principe de la voie. Si vous apprenez la merveilleuse doctrine de l'enseignement du Bouddha, vous en acquérez la compréhension. Mais si vous ne comprenez toujours pas, cela signifie que vous pratiquez dans le noir, alors, quelle que soit la durée de cette pratique, vous ne réussirez pas.

9. **La neuvième est la cause.** Vous devez planter une bonne cause, suprême et pure. Alors, dans le futur vous pourrez récolter un bon fruit, merveilleux et suprême : le fruit de l'ultime illumination.

10. **La dixième est le fruit.**

Ainsi, le mot NAN donne naissance aux dix portes du merveilleux Dharma. Quand vous récitez le Mantra de la Grande Compassion, dites le mot Nan, tous les spectres et les esprits se joindront respectueusement les paumes de leurs mains n'oseront manifester la moindre petite paresse pendant qu'ils vous écoutent réciter le Mantra de la Grande Compassion. Le mot est si puissant que même les mauvais spectres, les esprits ou les djinn, tous doivent suivre les règles. « Nan » pousse tous les fantômes et les esprits à écouter la récitation du Mantra en joignant respectueusement les paumes de leurs mains. (à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

De pareils êtres vivants obtiennent ainsi des bénédictions et des vertus sans mesure. Et pourquoi ? Ces êtres vivants n'ont plus la notion de la réalité du soi, des autres, des êtres vivants ou d'une vie. Pas de réalité des Dharmas ni des non-Dharmas. Si les cœurs des êtres vivants s'accrochent encore aux réalités, alors c'est l'attachement au soi, aux autres, aux êtres vivants, et à la vie.

Pour cette raison vous ne devriez pas vous accrocher aux Dharmas, ni aux non-Dharmas. En ce qui concerne ce principe le Tathagata dit souvent, "Vous, tous Bhiksus devriez savoir que le Dharma dont je parle est comme un radeau qui devrait être laissé quand vous aurez atteint l'autre rive. Même les Dharmas devraient être délaissés. Les paroles que Subhuti avait dites au Bouddha étaient rapportées par le Vénérable Ananda lorsque les Sutras étaient compilés.

Subhuti avait dit, " Est-il possible que les êtres vivants qui auront entendu le Sutra prêché par le Bouddha y croiront réellement ?" Ce qu'il avait réellement demandé au Bouddha Sakyamuni était, "Et s'il n'y croiraient pas ?"

Le Bouddha fit immédiatement des remontrances à Subhuti pour avoir suggéré une pareille possibilité, et dit que même dans les cinq cents ans plus tard, les êtres humains croiront toujours au Sutra.

1. La première période des cinq cents ans est appelée "période forte en libération." C'était la période où le Bouddha était encore en ce monde, beaucoup de gens cultivaient la voie et atteignaient la libération.

2. La deuxième période des cinq cents ans est appelée, "période forte en méditation Dhyana," Cette période poursuivait l'extinction du Bouddha et c'était la période où beaucoup de gens obtenaient la certification par la pratique de la méditation du Dhyana.

3. La troisième période des cinq cents ans est appelée « période forte en leçon ». Durant ce temps, beaucoup de gens étudiaient les Sutras.

4. La quatrième période des cinq cents ans est "la période forte en combat." C'était la période reportée au texte, elle représentait la fin du Dharma.

Le Bouddha Sakyamuni dit, « dans les dernières cinq cents ans il y aura des gens qui croiront et maintiendront les préceptes et pratiqueront les bénédictions.

Ils croiront au Sutra Vajra et accepteront ses principes comme vrais, et réels. Puisqu'ils avaient planté de bonnes racines depuis d'innombrables kalpas illimités, en faisant offrandes, témoignant du respect et croyant aux Triple Joyaux : le Bouddha, le Dharma et le Sangha. »

Vous pouvez planter de bonnes aussi bien que de mauvaises racines. Si vous ne croyez pas et ne faites pas offrandes aux Triple Joyaux, vos mauvaises racines se multiplieront. Quand vous vous éloignez du Triple Joyaux, vos bonnes racines diminueront. Lorsque vous vous approchez du Triple Joyaux vos bonnes racines augmenteront. Prenez garde. Ne faites pas de mauvaises actions, optez seulement la bonne conduite. La preuve de ceci : Les habitants d'Uttarakuru comme ils ne peuvent pas voir le Bouddha, ni entendre le Dharma, ni fréquenter le Sangha, leurs bonnes racines meurent.

Pour semer les bonnes racines, on devrait d'abord prendre refuge auprès du Triple Joyaux. Pour semer davantage de bonnes racines, les laïques peuvent recevoir cinq préceptes, ou huit préceptes ou dix principaux et quarante huit préceptes secondaires d'un Bodhisattva ; ou 250 préceptes pour un Bhiksu ou 348 préceptes pour une Bikshuni qui veulent quitter leur famille.

On sème les bonnes racines en acceptant ou en gardant les cinq préceptes et en pratiquant les dix bonnes actions qui ne peuvent être ni vues, ni senties, ni goûtés, ni touchées parce qu'elles sont dépourvues de réalité. "Tout ce qui est réalité est vide et faux," mais les gens ne s'en rendent pas compte, s'ils savent seulement comment nourrir leurs corps, pas leur bonnes racines.

"En quoi consistent les bonnes racines ?"

Les bonnes racines ne sont autres que votre corps du Dharma et votre sagesse. Elles constituent la base solide de la pratique. Une bonne fondation provoque votre corps du Dharma de se manifester, votre sagesse d'augmenter, et votre véritable réalité existante du Prajna à l'origine de fonctionner.

Il est essentiel, que vous deviez planter vos bonnes racines auprès du Triple Joyaux pour récolter le fruit du Bodhi. Car si vous les plantez dans les religions non-Bouddhistes, il vous serait impossible de récolter des bénéfiques fondamentales, peu importe la quantité de bonnes racines vous auriez plantées ou combien de temps vous les auriez nourries.

Ceux qui ont une croyance pure, sincère, fervante en écoutant le Sutra du Vajra sont ceux qui ont planté de bonnes racines devant des millions de Bouddhas illimités ; aujourd'hui possédant un cœur réel, et pur où n'existe la moindre divergence ou scepticisme, ils obtiennent la bénédiction et la vertu infinies.

Ayant réalisé le vide, ces gens n'ont aucune réalité du soi, des autres, des êtres vivants, ou d'une vie. N'ayant aucune réalité des autres signifie voyant les autres comme du vide. Le soi et les autres sont tous deux vides, les êtres vivants aussi sont vides. Naturellement, quand les êtres vivants sont vides alors il n'y a pas réalité d'une vie, autrement dit, on va à la recherche incessante de l'immortalité aussi bien qu'à la poursuite constante de toutes choses auxquelles on s'attache et on ne peut pas s'en séparer.

Connaissant le vide des gens, on devrait aussi se rendre compte du vide des Dharmas, aussi bien que de la réalité de la non-existence des Dharmas. Lorsqu'il n'y a plus d'existence, ni de non-existence du Dharma on arrive à la substance fondamentale des dharmas.

Si les cœurs de ces êtres vivants s'accrochent toujours avidement, fortement quatre réalités ils

n'obtiennent jamais la libération. Ils n'ont pas sincèrement tout supprimé. S'ils croient à la réalité des Dharmas, ils sont attachés aux quatre réalités ; s'ils tâchent de croire à la non-existence des Dharmas, ils sont toujours attachés aux quatre réalités, parce qu'ils (ne sont pas rendu compte du vide des gens) n'ont pas vu à travers et les écrasé. Ils ne se sont pas rendus compte du vide des gens, des dharmas et du vide lui-même.

A propos de ce principe, le Bouddha disait souvent aux Bhiksus, "vous devriez savoir que le Dharma dont je parle est semblable à un radeau." Le radeau est utilisé pour traverser la mer de la souffrance...

La naissance et la mort. Pour mettre fin à la naissance et la mort, vous devriez vous en servir le radeau dans votre pratique. Une fois vous avez terminé la naissance et la mort, vous devriez vous séparer du radeau. Si vous ne vous en séparez pas vous avez encore d'attachement. De même si vous ne vous séparez pas du Dharma, vous avez encore d'attachement.

Attachement aux dharmas nous contamine comme une maladie. En utilisant comme médicament le Dharma qui enseigne le vide des Dharmas la maladie peut être guérie. Une fois guéri, si le malade refuse de se rendre compte qu'elle va bien il continue à prendre les médicaments.

Alors il développe un attachement sans connaissance aux médicaments, et cela engendrait une autre maladie. Ceux qui se sont rendus compte du vide des gens et du vide des Dharmas doivent aussi renoncer à l'attachement à la non-existence des Dharmas.

Les réalités des Dharmas devraient être débarrassées. Quand on a mis fin à la naissance et la mort, on devrait se débarrasser des Dharmas. Les gens et les Dharmas sont vides. On devrait même se débarrasser du propre vrai Dharma.

On devrait renoncer à tous ces perpétuels attachements. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Emmenez votre Karma à la Terre Pure, il s'agit là du Karma passé, pas de celui du futur. Une fois que vous avez compris le Dharma, les offenses doivent cesser. Si vous continuez à pécher, vous ne pourrez jamais entrer dans la Terre de l'Ultime Béatitude. Vous pouvez réciter le nom du Bouddha et vénérer le Bouddha mais vous aurez seulement fait des investissements dans la future Bouddhité. Vous ne pourrez pas, après cette vie, entrer dans la Terre de la l'Ultime Béatitude parce que vous avez volontairement transgressé les règles du Dharma tout en les ayant bien comprises.

Avant de prendre refuge auprès du Triple Joyau, vos actes sont excusables même s'ils ne sont pas conformes aux règles du Dharma, mais continuer de tel comportement après avoir pris refuge augmente la gravité de vos fautes. Reconnaisant vos erreurs, vous devez réellement changer vos défauts alors vous pouvez dire : « Je pourrai certainement passer dans la Terre de l'Ultime Béatitude ».

Deuxièmement, vous devez avoir foi en la Terre de l'Ouest de l'Ultime Béatitude qui est le royaume des milliers de millions de Bouddhas. Avant de réaliser la Bouddhité, le Bouddha Amitabha, qui n'était que le Bhiksu de la Trésorerie du Dharma, a fait vœu de créer une Terre où seront accueillis ceux qui récitent sincèrement son nom. Il est inutile de pratiquer autres choses d'autre ; c'est facile, simple et pratique, ça ne coûte rien et pourtant cette branche de Dharma est la plus haute et la plus suprême, car il suffit de réciter juste : « Namo Amitabha Bouddha », vous serez né dans la Terre de l'Ultime Béatitude.

Il est aussi nécessaire de croire à la loi des causes et effets, croire que dans le passé, vous avez planté de bonnes racines qui vous ont permis de rencontrer cette Branche de Dharma qui consiste à avoir une foi fervente, à formuler des vœux

sincères et à réciter de tout cœur le nom du Bouddha. Sans les bonnes racines, tout ceci ne vous serait pas arrivé, ainsi que n'importe quelle autre porte de Dharma. Comme un fermier qui, pour obtenir de bons résultats, doit soigner, nourrir, irriguer ses plantes.

DEUX : EN DECRIVANT LA MATIERE

La deuxième des cinq significations profondes décrit la matière. Si vous connaissez le nom d'une personne, vous apprenez à la reconnaître par sa silhouette. Est-elle grosse ou maigre, grande ou petite ? Vous n'avez pas nécessairement besoin de voir son visage, mais vous pouvez la reconnaître par sa silhouette. « Oh ! c'est lui ».

Ce Sutra est un Dharma Mahayana, prêché sans sollicitation, elle prend la Vraie Réalité comme sa matière. Or la Vraie Réalité n'a pas de signe. Concret ; elle n'est rien du tout et en plus il n'y a rien en elle qui ne soit indiqué. Sans marque, c'est le vrai vide, et il n'y a rien qui ne soit sans marque, c'est la merveilleuse existence.

*Toutes marques sont la Vraie Réalité
Or, la Vraie Réalité est sans marque
Et il n'y a rien qui ne soit sans marque
Donc la Réalité est sans marques et aussi sans
non-marques
Elle n'est ni sans marques, ni indiquée par les
non-marques.*

Tandis qu'au milieu des marques, on ne devrait pas s'accrocher aux marques puisqu'ils ne sont pas la Vraie Réalité. La Vraie Réalité, le seul vrai monde du Dharma, la nature, tous sont des noms différents pour la Vraie Réalité.

TROIS : EN ELUCIDANT LE PRINCIPE

Même si vous comprenez la doctrine et l'objectif du Sutra, vous ne comprendrez pas ses principes. Alors nous étudierons maintenant l'un à travers l'autre. De même on connaît le nom d'une personne et après on découvre son occupation.

Les principes de ce Sutra sont la foi, les vœux et la pratique, de la récitation du nom du Bouddha. Ceux-ci sont les trois conditions primordiales de la Branche du Dharma de la Terre Pure. Celui qui part en voyage, emmène avec lui de la nourriture et un peu d'argent. Celui qui désire se rendre à la Terre de l'Ultime Béatitude a besoin de la Foi, des vœux, et de la pratique de la récitation du nom du Bouddha.

LA FOI

La Foi est la première condition nécessaire car sans la Foi on ne pourra pas formuler le vœu de passer au Royaume de la Terre Pure de l'Ultime Béatitude du Bouddha Amitabha et ainsi on ne réalisera pas l'objectif de ce Sutra. Vous devez avoir confiance en vous-même, en la Terre de l'Ultime Béatitude, en la loi des causes et des effets, du nouméa et du phénomène.

Que veut dire croire en soi-même ? C'est croire que vous avez certainement les qualifications nécessaires pour entrer dans la Terre de l'Ultime Béatitude.

Vous ne devez pas vous sous-estimer et dire, « J'ai commis beaucoup de fautes, il ne me serait pas possible de naître dans ce royaume ». Si vous avez un Karma lourd de fautes, vous avez maintenant une bonne occasion de l'emmener avec vous dans le royaume de la Terre de l'Ultime Béatitude. Malgré les offenses que vous avez commises dans le passé, si vous changez votre esprit et corriger votre conduite, vous pourrez y entrer, avec vos fautes.

Emmener votre Karma à la Terre Pure, il s'agit là du Karma passé, pas de celui du futur. Une fois que vous avez compris le Dharma, les offenses doivent cesser. Si vous continuez à pécher, vous ne pourrez absolument pas entrer dans la Terre de l'Ultime Béatitude. Vous pouvez réciter le nom de Bouddha et vénérer le Bouddha mais vous aurez seulement fait des investissements dans la future Bouddhité. Vous ne serez pas, après cette vie, né dans la Terre de l'Ultime Béatitude parce que vous avez transgressé volontairement les règles du Dharma, tout en les ayant bien comprises.

Avant de prendre refuge auprès du Triple Joyau, tous vos actes antérieurs qui n'ont pas été accomplis en accord avec le Dharma, peuvent être excusables, mais continuer de tel comportement après avoir pris le refuge augmente la gravité de ses fautes. Reconnaisant vos erreurs, vous devez réellement changer vos défauts et dire, « Je pourrai certainement passer dans la Terre de l'Ultime Béatitude. (à suivre)

LE MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Le Sutra du Cœur Dharani de la Grande compassion a été totalement expliqué mais le Mantra de la Grande Compassion n'a jamais été. En réalité, il n'y absolument aucun moyen d'expliquer le Mantra de la Grande Compassion parce qu'il a un langage secret et ésotérique.

Préalablement, je parle un vers du Mantra :

« Le grand Mantra de la Grande Compassion
pénètre le ciel et la terre
Cent récitations pendant mille jours
Font réjouir les dix rois
Sa grande compassion et sa bonté
Guérissent toute maladie
Et alors une annonce est projetée du haut
D'un écran de la faute »

Quand vous récitez le Mantra de la Grande Compassion, les cieux bougent et la terre tremble car le Mantra pénètre le ciel et la terre. Si vous le récitez 108 fois tous les jours pendant mille jours (soit à peu près trois ans), à la même heure chaque jour, sans manquer un jour même si vous êtes occupés, alors les dix rois qui sont les gérants dans les enfers dans les cours de Yama sont ravis.

Pourquoi appelle-t-on « le Mantra de la Grande Compassion ?

Parce que sa compassion est peut débarrasser les êtres vivants de toutes leurs souffrances et difficulté. Parce qu'il soulage la souffrance et donne le bonheur, il est appelé le Mantra de la Grande Compassion. Plus important, il peut guérir les maladies. Quelque soit votre maladie, si vous récitez ce Mantra, vous serez guéri.

Quelqu'un demande « je le récite, pourquoi ne suis-je pas guéri ? » « Vous n'êtes pas guéri car votre cœur n'est pas sincère. Avec un cœur sincère, vous obtiendrez certainement une réponse du Mantra.

Quand vous récitez 108 fois tous les jours pendant mille jours, les dix directeurs des cours de yama seront ravis et toute maladie peut être guérie. Vous aurez gagné beaucoup de mérites parce que pendant trois ans, en récitant le Mantra, vous ne commettrez pas de fautes, vous ne boirez pas de vin, vous ne mangerez pas de viande ou les cinq plantes piquantes.

Dans les enfers, il y a une plate forme sur laquelle se tient l'écran de « l'offense ». Sur cet écran, vous voyez tout ce que vous avez fait (voler, tuer, commettre une incendie...), c'est comme un film. Mais si vous n'avez pas de karma, alors, rien ne se présentera sur l'écran. Parce que vous êtes dépourvus d'obstacles karmiques, ils accrochent un signe dans les enfers qui dit « un tel et un tel récite la Mantra de la Grande Compassion et a déjà défait sa faute karmique. « Tous les spectres et les esprits dans les enfers doivent s'incliner à son égard comme s'ils rencontraient tous les Bouddhas du passé, du présent et du futur. Ils le protègent comme s'ils protégeaient les Bouddhas des trois temps et doivent informer tous les autres spectres et esprits de ne pas lui créer de problèmes. Ainsi, le pouvoir de ce Mantra est inconcevable.

NA MWO HE LA DA NWO DWO LA YE YE
Nous récitons « Na Mwo Amitabha Bouddha » et « Na Mwo le maître fondamental Sakyamuni Bouddha » mais savez-vous ce que veut dire « Na Mwo » ? Très peu de gens le savent. Il y a quelques années, j'ai posé cette question à une assemblée et personne n'a su me donner une réponse satisfaisante. Na Mwo est un mot sanscrit qui signifie « prendre refuge ». Cela veut dire aussi « se consacrer sa vie se soumettre respectueusement c'est-à-dire « j'ai donné ma vie au Bouddha, je ne la veux pas pour moi-même. Je l'ai offerte au Bouddha et s'il me demande de vivre alors je vis et s'il me demande de mourir alors je meurs. J'obéis aux

commandements du Bouddha. Ceci est appelé « consacrer ma vie à ... ». Se soumettre respectueusement signifie se soumettre avec vénération et avec confiance en Bouddha. Ceci est la signification de Na Mwo.

En transformant notre vie, nous prenons refuge auprès du Bouddha au corps et à l'esprit. Nous offrons notre vie au Bouddha et prenons refuge auprès de lui. En général, Nam Mwo He La Da Nwo Dwo La Ye Ye veut dire « prendre refuge auprès des trois joyaux illimités des dix directions ». C'est le principal corps du Bodhisattva qui observe les sons du monde. Bien qu'il soit le corps principal du Bodhisattva, il signifie aussi « prendre refuge auprès des Bouddhas des dix directions du passé, du présent et du futur. En récitant cette phrase du Mantra, vous dites non seulement à vous-même de prendre refuge auprès des trois joyaux des dix directions illimités et qui demeurent éternellement dans le monde ; mais aussi tous les êtres vivants qui entendent son langage secret sont invités à retourner leurs vies et à la soumettre respectueusement. Vous savez ce qu'est les trois Joyaux, n'est-ce pas ? Le joyau du Bouddha, le Joyau du Dharma et le joyau du Sangha. Vous devriez connaître vraiment que le Joyau du Bouddha est la chose la plus sublime et précieuse qui existe. De même, le joyau du Dharma et du Sangha sont les plus sublimes et honorables. Aussi bien dans le monde qu'au-delà du monde, que ce soit perception ou non-perception, il n'y a rien de plus sublime et honorable que les trois joyaux de l'enseignement du Bouddha. Le monde du Dharma des Bouddhas est le plus haut des dix mondes du Dharma. Nous devrions donc chercher cette vénération le refuge auprès des trois joyaux les plus sublimes et avec une profonde croyance, l'accepter fidèlement sans la moindre particule de doute.

On peut demander « quel est l'avantage de prendre refuge auprès du Bouddha ? Si vous prenez refuge auprès du Bouddha, vous ne tomberez pas en enfer, vous ne deviendrez pas un esprit affamé. Si vous prenez refuge auprès du Sangha, vous ne vous changerez pas en animal. Ceci est à condition que vous affrez toute bonne conduite en accord avec l'enseignement. Si vous continuez comme avant c'est-à-dire tuer, voler, commettre l'adultère, mentir, consommer des boissons alcoolisées, commettre des incendies, faire ce qui vous plaît, vous ne pourrez éviter les trois mauvaises destinées. Il n'y a pas de courtoisie dans l'enseignement du Bouddha, du Dharma, du Dharma et du Sangha et ainsi je ne tomberai pas en enfer et je ne deviendrai pas un animal ou un esprit affamé. Cependant, je suppose

que je peux faire ce qui me plaît. Non. Vous devez changer vos mauvaises actions. Si vous continuez à commettre des fautes, vous irez en enfer tout de même. Le Bouddhisme n'est pas comme les religions externes qui prétendent « tout ce que vous avez besoin est la foi. Si vous y croyez, même si vous commettez des fautes, vous pouvez aller au paradis. Mais, de l'autre côté, si vous ne croyez pas, même si vous nourrissez le mérite et la vertu, vous irez tout de même au paradis. Si vous croyez en Bouddha et vous commettez des fautes, vous irez quand même en enfer. Si vous ne croyez pas en Bouddha, et vous avez plein de mérites et vertus, vous irez au paradis tout de même. La doctrine du Bouddhiste n'embrouille pas les gens en disant « vous croyez en Bouddha, alors tout marche ». Si vous croyez en Bouddha, vous ne devez jamais commettre de fautes car si vous en faites, vous irez en enfer.

D'accord, vous pouvez demander si « nous allons en enfer pourquoi prendre refuge auprès des trois joyaux ? » En prenant refuge, vous devez changer le mal et vous tourner vers le bien, changer vos fautes et être comme une personne toute neuve, en faisant que des bonnes actions et éviter les mauvaises. Alors, vous pouvez obtenir des bénéfiques. Par conséquent, « Na Mwo He La Da Nwo Dwo La Ye Ye » signifie « prendre refuge auprès des trois joyaux illimités ». Quand vous récitez cette phrase du Mantra, les malheurs sont extirpés. Dans une période de catastrophe, si vous la récitez continuellement, la catastrophe disparaîtra. Les grandes catastrophes deviennent plus petites et les petites disparaîtront. Ceci est le « Dharma d'extirpation des malheurs », un des cinq genres de Dharma Esotérique qui sont :

- Déraciner les désastres
- Accroître les bénéfiques
- L'accomplissement
- Provoquer la reddition
- Conquérir et capturer

La récitation de cette phrase permet aussi « d'accroître les bénéfiques ». Si vous avez déjà de bonnes racines et que vous récitez le Mantra, vos bonnes racines augmenteront et vous obtiendrez même plus de bénéfiques. Ceci est le « dharma d'augmentation des bénéfiques ».

(à suivre)

N'ATTENDEZ PAS D'AVOIR SOIF POUR CREUSER DES PUIITS

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

« *Quand on est en pleine forme* »
« On se livre à des actes irréfléchis »
« Pourquoi ne pas en profiter »
« Pour prendre soin de son propre corps »
« Quand on est malade, on se rend compte que son corps n'est que souffrance »
« Enseveli sous la terre, on s'aperçoit que sa conscience s'est égarée dans l'erreur ».

Cela veut dire : une fois que vous êtes malade, vous vous rendez compte que votre corps n'est que souffrance. Une fois enterré sous la terre, vous vous apercevez que vous avez mal utilisé votre conscience. Il s'agit là de la maladie courante des êtres vivants : quand on est en bonne santé, le monde est rempli de bonheurs et de satisfactions. Une fois malade, incapable de bouger, de se nourrir, privé de toute liberté, subir toutes sortes de douleurs, à ce moment là on se rend compte que la source de toute souffrance vient de ce corps ; mais c'est trop tard.

C'est pourquoi on dit : Au bord du fossé, il est trop tard pour raccourcir les brides du cheval. Au milieu d'un fleuve, il est trop tard pour boucher les fuites du bateau.

Cela veut dire : Quand on arrive au bord du fossé, il est trop tard pour raccourcir les brides du cheval. De même, quand on arrive au milieu d'un fleuve, il est trop tard pour boucher les fuites du bateau.

Pourquoi, quand vous n'êtes pas encore malade, vous vivez-vous à des actes irréfléchis, pourquoi ne vous occupez-vous pas à prendre soin de votre corps.

Il ne s'agit là que de la maladie des souffrances, n'en parlons pas de graves problèmes de la naissance et de la mort. Une fois enseveli sous la terre, on s'aperçoit de l'erreur de sa conscience. Durant notre vie, en général, on refuse de faire l'examen de conscience. Mais le jour où, paru devant le Roi des Enfers, on se rend compte avoir commis des erreurs, des actes malhonnêtes. Envers les gens qui récitent le nom des Bouddhas, on n'hésite pas de s'en moquer, de les calomnier, disant qu'ils sont stupides et superstitieux. Aujourd'hui, on regrette, mais c'est trop tard. On doit supporter seuls, les souffrances dans les montagnes

d'épées et les chaudrons d'huile c'est pourquoi, il est trop tard pour tirer sur les rênes du cheval quand on arrive au bord du fossé, comme il est trop tard pour boucher les fuites du bateau quand on est déjà arrivé au milieu du courant d'un fleuve.

Pourquoi ne pense-t-on pas à s'y préparer à l'avance.

C'est pourquoi, disait Chu Tu : « Avant l'arrivée de la pluie, il faut se préparer, par exemple, réparer le toit de la maison, prendre toutes les dispositions nécessaires pour parer à toute éventualité qui pourrait se produire pendant la pluie. Comme par exemple, dans le Nord de la Chine, les fenêtres des maisons sont recouvertes avec du papier, c'est pourquoi, avant l'arrivée de la pluie, il faut bien les recoller, car sinon l'eau de pluie pénétrera et mouillera tout à l'intérieur. Si on attend la tombée de la pluie pour recoller les papiers, ce serait trop tard « N'attendez pas d'avoir soif pour creuser des puits ».

Si on habite dans des endroits très éloignés où n'arrivent pas des conduites d'eau, on doit réfléchir, trouver un moyen afin d'approvisionner l'eau dans la région, mais « N'attendez pas d'avoir soif pour creuser des puits », ce serait trop tard. De même, quand vous cultivez la doctrine du Bouddha, vous devez comprendre que rien n'est permanent en ce monde, que personne n'échappe à la mort, qu'attendez-vous pour vous mettre au travail afin de résoudre le problème de la mort. C'est pourquoi :

« Si nous voulons ne pas mourir »

« Tout d'abord, il nous faut cultiver la Voie jusqu'à en mourir »

Cela veut dire :

« Si nous voulons une vie éternelle »

« Nous devons avant tout cultiver la Voie de toutes nos forces ».

« Cultiver jusqu'à en mourir » (cultiver de toutes nos forces), comme par exemple,

actuellement, nous pratiquons ce séminaire de méditation, de récitation des noms des Bodhisattvas, de prières d'abord pour la paix mondiale, ensuite pour notre propre salut.

Tout comme, nous nous préparons avant qu'il ne pleuve. Tous les ans, nous devrions participer à ce séminaire de méditations et de prières d'une façon continue, sans interruption, ainsi nous aurons une chance de pouvoir semer une « grande cause » avec Bouddha-Amitaba et Bodhisattva-Avalokitecvara. Nous devons prier, réciter leur nom de tout cœur et de toutes nos forces ; à force de réciter leur nom, il nous arrive de considérer Bouddha-Amitaba comme notre maître, et Bodhisattva-Avalokitecvara comme notre ami.

S'il est possible de devenir disciple du Bouddha et ami du Bodhisattva, au fil des années, on finit par devenir leurs chers amis. Il est donc certain que, au dernier moment de notre vie, ces Bouddhas et Bodhisattvas viendront nous chercher pour nous emmener à leur Royaume-de-Félicité sans aucun doute, soyez-en-sûrs car :

« La pratique de la Voie ne tolère le moindre doute »

« La présence d'un doute obscurcit notre conscience ».

Cela veut dire : Quand on cultive la Voie, on doit bannir de notre esprit toute présence d'un doute, car quand le doute surgit, il obscurcit notre conscience. Autrement dit, un pratiquant de la Voie ne doit pas nourrir le moindre doute dans son esprit, car la présence d'un doute nous plonge dans l'obscurité. Nous devons écouter les conseils des bons amis spirituels, en toute confiance sans le moindre doute. Par exemple, s'ils nous disent : cultiver la Voie est extrêmement dur, demande beaucoup d'efforts pénibles et fatigants, nous devons y croire absolument, et si nous avons foi en leurs paroles d'une façon absolue, nous obtiendrons sûrement la clarté spirituelle, la compréhension et la connaissance parfaites, nous permettant de recouvrer notre essence originelle. C'est pourquoi, nous devons obéir aux conseils des bons amis spirituels. S'ils nous conseillent de réciter les noms des Bouddhas, nous les récitons. S'ils nous disent de ne pas nous laisser aller, nous ne nous laissons pas aller, c'est là précisément le principal secret dans la pratique de la Voie.

Comme il a été dit auparavant : « On s'aperçoit que ce corps est souffrance seulement après avoir été malade ». Car l'être humain ne pense jamais à cultiver la Voie, s'il n'a jamais été malade. Car, n'ayant jamais été malade, il ne comprendra jamais la souffrance.

Un autre proverbe disait : « La richesse, obstacle de la Voie ».

Cela veut dire : Il est difficile, pour un homme riche de cultiver la Voie, car, tout lui satisfait, alors pourquoi pense-t-il à cultiver la Voie ? C'est pourquoi, la misère et la maladie constituent les deux « noyaux-associés » dans la pratique de la Voie. Par conséquent, ne vous inquiétez pas, si vous tombez malade, et si vous tombez dans la misère, n'en soyez pas malheureux.

Il existe un autre proverbe disant :

« Voyant une personne mourante, »

« Je me sens comme brûlé, »

« Non pas pour les autres »

« Mais, tout doucement, le feu me consume ».

Cela veut dire :

« Voyant une personne mourante, »

« Je me sens aussi brûlé (comme lui) »

« Je souffre non seulement pour lui »

« Mais, tout doucement, le feu me consume ».

(Je souffre également pour moi-même).

La misère et la maladie nous aident sûrement à forger notre volonté dans la pratique de la Voie.

Devant la misère, la maladie, la vieillesse et la mort, nous devons nous forger une forte volonté pour accepter ces vérités. La vie humaine est comparable au « Yang-Tsé-Kiang où les vagues se succèdent, se poursuivent » ce qui signifie que : Sur le Yang-Tsé-Kiang, les vagues postérieures poussent les vagues antérieures (qui disparaissent). Et si nous formulons à temps, le sermon de passer au Royaume de Félicité du Bouddha-Amitaba, à l'agonie, nous nous y serions préparés. Sinon, à ce dernier moment, complètement paniqués, désemparés, nous ne saurions quoi faire. De même, si nous vivons dans un pays de paix, jouissons de tous les bonheurs, nous ne pensons, à aucun moment, au moyen de défense nationale.

Il en est de même dans le Bouddhisme actuel. Comme personne ne pense à le rétablir, il est en train d'entrer dans une situation critique. C'est pourquoi, nous devons proclamer le Bouddhisme ; cette responsabilité repose non seulement sur les Bhiksus et les Bhiksunis, mais également sur les Upasakas et Upasikas (adeptes du Bouddhisme).

Si chacun d'entre nous assume sa responsabilité, aucune crainte que le Bouddhisme ne se redéplie pas. Néanmoins, aujourd'hui, certains adeptes Bouddhistes

pensent que le Bouddhisme est inférieur aux autres religions actuelles, non seulement, ils n'osent reconnaître qu'ils sont adeptes du Bouddhisme, mais en plus, flagornant les autres, n'hésitent pas à critiquer le Bouddhisme disant que c'est de la superstition.

« Comme ils sont pitoyables, n'est-ce pas ? ».

Par exemple, à Cûu Long (Kowloon), sur la montagne Đao Phong, il existe une secte qui recrute spécialement les Bhiksus et Bhiksunis Bouddhistes. Ceux-ci, dès leur arrivée, doivent subir des séances de lavage du cerveau qui leur font oublier toute leur origine, à la sortie de ces séances, ils se mettent à calomnier le Bouddhisme.

C'est pourquoi, si nous avons sincèrement foi en Bouddha, même la mort ne pourra pas nous ébranler, notre volonté doit rester ferme en dépit de toute méchanceté, de toute moquerie ou bien de tout intérêt personnel. Si on n'oublie pas qu'on est adepte du Bouddhisme, alors le Bouddhisme se rétablira sûrement. Bien qu'actuellement les religions non-bouddhistes sont florissantes, elles ne sont que temporaires car tout évolue selon la loi de la nature ; arrivé au paroxysme tout doit retourner au point de départ. Ne vous laissez pas troubler par leur apparence pompeuse ; la vérité est toujours immuable et le rétablissement du Bouddhisme repose entièrement sur les efforts de toute l'Assemblée.

LA REPENTANCE : CHEMIN DE LA RENAISSANCE DANS LE MONDE CÉLESTE

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en Français : Ly Thi Minh Nguyet

Il y a plus de deux mille ans, en Inde, partout, où qu'on soit, on pouvait toujours entendre la voix du Bouddha prêchant le Dharma. Pour sauvegarder et transmettre infiniment à de futures générations, ce merveilleux Dharma afin de sauver les êtres vivants plongés dans la mer des souffrances, Bouddha n'hésitait pas à affronter et franchir les obstacles ainsi que les difficultés, sans relâche, sans repos. C'est pourquoi, sa précieuse personne était passée par toutes les anfractuosités de l'Inde.

Une fois, il s'arrêtait au Pic-du-Vautour dans le Magadha pour prêcher à un grand nombre de ses disciples. A ce moment, le Roi du Magadha à la tête d'une suite de grands seigneurs, ensemble, ils

montèrent sur la montagne, joignant respectueusement leurs paumes, se prosternèrent devant le Bouddha et exposèrent leur problème suivant :

« Mon Seigneur Seul Honoré du Monde, vous qui êtes le Maître suprême de l'immense Compassion, j'ai l'honneur, aujourd'hui de vous solliciter de bien vouloir, à l'aide de votre lumière de Compassion, éclairer la forêt de Bambous, utiliser la force de votre immense pouvoir invincible, afin de combattre un serpent venimeux, l'obliger à se rendre et à ne plus nuire à personne ».

En effet, pas très loin de la demeure royale, dans la forêt de Bambous, se cachait un serpent venimeux extrêmement dangereux. Chaque fois qu'il vit quelqu'un passer dans la forêt, il piqua une crise de colère, le fixant de son regard meurtrier ; si la personne s'approchait, tout de suite, il lui lança son venin meurtrier ou la mordit de ses dents venimeuses.

Quelle que soit la morsure, la victime n'échapperait pas à la mort certaine. L'histoire du serpent venimeux fut rapportée au Roi pour que celui-ci trouvât une solution afin de résoudre le problème. Car, beaucoup de personnes qui, pour combattre le serpent, s'étaient déjà fait tuer. Le Roi réfléchissait, essayant vainement de trouver une solution, finalement, il décida d'aller solliciter le Bouddha.

Bouddha accepta sa requête. Un jour, il se rendit à pied, directement, dans la forêt de Bambous, à l'endroit où se cachait le serpent venimeux. Voyant Bouddha venir de loin, la colère de l'animal monta, il fixa du regard le Bouddha, ouvrant grandement sa bouche d'où sortait une langue toute rouge, il était prêt à le capturer et le réduire en morceaux à sa guise. Utilisant toute la force de sa compassion, Bouddha du bout de ses cinq doigts, lança cinq lumières aux cinq couleurs différentes. Ces cinq lumières resplendissantes illuminaient le corps du serpent, le couvrant entièrement ; tout de suite, l'animal s'apaisa, s'adoucit, tout son venin fut dissipé, laissant la place à une âme bienveillante et heureuse ; relevant la tête, il admirait le Bouddha, comme s'il se disait dans sa tête : « D'où vient cet homme, comment a-t-il fait pour émettre une lumière si bienveillante illuminant mon corps, m'apportant ainsi une fraîcheur paisible dans mon âme ».

Sachant pertinemment que le serpent venimeux a été dompté, Bouddha lui adressa ces paroles :

« Bourgeois Hiên Diên, durant plusieurs Kalpas antérieurs, vous avez été cupide, radin, reconnaissez-vous vos péchés ? Vivant dans la richesse, mais pourvu d'un caractère radin, d'une forte jalousie, vous vous êtes toujours occupé à manigancer des escroqueries pour duper les gens, ne reculant jamais devant un acte de cruauté, jamais de donation à qui que ce soit ; en présence d'un mendiant, non seulement vous ne donniez rien, même pas un grain de riz, mais en plus, vous l'insultiez impitoyablement, vous vous êtes mis en colère le fixant du regard. C'est pourquoi, cette vie présente, vous vous êtes réincarné dans cette forme hideuse, pourquoi ne voulez-vous pas encore vous réveiller et vous repentir ? Pourquoi persistez-vous à vivre dans la cruauté, à nuire aux passants par ici ? Votre mauvais Karma est déjà suffisamment lourd, si vous continuez à en créer davantage, voulez-vous subir infiniment vos souffrances ? Si vous poursuivez cet élan, les mauvaises conséquences dans le futur seront infiniment malheureuses, même en traversant des milliers de Kalpas, vous n'en seriez jamais libéré ».

L'accent de compassion dans la voix du Bouddha toucha fortement et directement le cœur du serpent. Soudain, il discerna clairement le bien du mal dans tous ses actes antérieurs. Maintenant en présence du Bouddha, il reconnut ses fautes et s'en repentit sincèrement.

Devant la sincérité du serpent qui reconnut ses fautes, s'en repentit et voulut vraiment se libérer, Bouddha lui dit : « Dans le passé, vous ne saviez pas faire de bonnes actions, résultat : vous vous êtes réincarné dans ce corps du serpent, aujourd'hui, vous êtes éveillé, vous avez bien compris l'instruction du Bouddha, donc vous aurez la possibilité de vous libérer de cette mer de souffrances ».

Ayant entendu ces paroles, le serpent venimeux se mit à parler pour se faire comprendre à Bouddha : « Mon Seigneur Seul Honoré du Monde, dorénavant, je n'oserai plus jamais agir à l'encontre de votre enseignement basé sur la compassion et la miséricorde. Je jure d'y obéir et d'exécuter selon vos instructions ».

« S'il en est ainsi, glissez dans mon bol que voici ».

A ces paroles, le serpent obéit et rampa dans le bol du Bouddha. Emportant le bol dans ses bras, Bouddha sortit de la forêt de Bambous. Dès qu'il parut, le roi et son entourage se précipitèrent pour connaître la nouvelle. Devant tous ces gens, le serpent se sentit honteux, il commença à détester son corps de serpent, et mourut sur le champ. Comme, il s'était sincèrement repenti et avait réellement voulu s'améliorer, dès qu'il eut rendu son dernier soupir, il

fut rené dans le royaume céleste (Trayastrimeas) pour jouir de tous les bonheurs.

Un jour, dans le Monastère du Bois de Bambous, soudain s'éleva dans l'air une voix fredonnant un verset chantant les mérites du Bouddha :

« Ô, Suprême Seul Honoré du Monde »

« Comblé de Félicité et Sagesse »

« Jadis, j'étais aveuglé par l'ignorance »

« Aujourd'hui, Bouddha m'a éveillé et conduit vers la lumière »

« Un bienfait aussi immense que le soleil »

« Il m'a aidé à bannir toute affliction, à franchir l'océan de la mort et de la renaissance »

« La force du Bouddha est vraiment indiscutable et inimaginable »

« Grâce à vous, j'ai pu abandonner ce corps de serpent pour passer dans le monde céleste ».

Bourgeois Hiên Diên est entré au Royaume Pur de l'ultime Béatitude. C'est pourquoi, ô riches bourgeois, ne soyez pas si radins, faites des donations, car sinon, vous risquerez, dans le futur, de vous réincarner en serpent venimeux.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

Plus tard, quand le Maître entra dans la salle principale, il vit que Kuo Neng n'était pas à genoux, il raccommodait les vêtements.

Pourquoi ne vous agenouillez-vous pas ? Demanda le Maître.

Vous l'avez voulu absolument ? Dit Kuo Neng.

J'ai vraiment honte, dit le Maître. C'est de ma faute si vous ne vous agenouillez pas. Si j'avais de la vertu, mes disciples m'écouteraient mes enseignements. Puisque c'est de ma faute, je devrais m'agenouiller moi-même.

Et il s'agenouilla.

Oh non ! Dit Kuo Neng. Et il se précipita vers le Maître. Ne faites pas cela ! C'est de ma faute, je m'agenouillerai.

Mais le Maître n'y prêta guère attention.

Après cet incident, lui et les autres disciples écoutaient toujours ce que dit le Maître.

Le biscuit pâteux.

En Mandchourie, le Maître avait un gardien de quatorze ans qui voulait réaliser des pouvoirs spirituels. Le Maître lui dit que ce ne serait pas difficile pourvu qu'il ne craigne pas la souffrance.

Le garçon le croyait et le suivait pendant un an, supportant l'insupportable, mangeant l'inmangeable et faisant ce que les autres ne peuvent pas faire.

Un jour, invité chez un laïc pour recevoir les offrandes, le Maître et l'enfant méditaient, comme d'habitude, pendant deux heures avant de se retirer. Après une heure, cependant, l'enfant s'assoupissait. Le Maître empoigna son oreiller et le jeta brutalement sur le plancher. Depuis ce jour l'enfant ne paressait jamais plus, que le Maître soit avec lui ou non.

Une fois, après une pluie abondante, ils étaient à mi-chemin de la maison quand le garçon vit un morceau de pain dans la boue.

Maître, dit-il, regardez cela !

Ramasse et mangez-le, dit le Maître.

Le garçon prit la remarque pour une plaisanterie et quand ils arrivèrent à la maison, le Maître dit :

Domage que tu n'aies pas mangé le biscuit, parce que si tu l'avais mangé, tu aurais obtenu tes pouvoirs spirituels.

« Vraiment ? Dit le garçon. Je vais le manger sur-le-champ ».

« C'est trop tard, maintenant », dit le Maître.

Le garçon se mit à pleurer, mais le Maître le consolait.

« Ne t'inquiète pas, dit-il. Il y aura beaucoup d'autres d'opportunités ».

Et en fait, peu de temps après, le garçon ouvrit son oeil céleste, obtint la connaissance des pensées des autres et le principe des causes et effets du passé, du présent et du futur. Il atteignit la voie rapidement parce qu'il était jeune, pur est sans fausses pensées.

Le Maître avait six ou sept disciples semblables en Mandchourie ; ils l'aidaient beaucoup, voyageant avec lui partout pour répandre l'enseignement du Bouddha et soulager les souffrances. Ils croyaient en lui implicitement et faisaient tout ce qu'il leur demandait. S'il leur avait dit de sauter dans un fossé de feu ou dans l'océan, ils auraient sauté sans hésitation. Bien sûr, le Maître ne leur aurait jamais dit de faire une chose pareille. Autrement dit ils suivaient son enseignement à la lettre.

Le Maître espérait recruter de pareils disciples en Amérique. C'est pourquoi, il montrait sévère dans son enseignement et encourageait ses disciples à entreprendre des pratiques ascétiques. Un ancien a dit : « Ayant goûté l'amertume dans l'amertume, on peut devenir un homme au-dessus des hommes ».

Plus dur vous pratiquez, plus tôt vous atteindrez la voie. Plus tôt vous atteindrez la voie, plus tôt vous serez capable d'aider l'humanité.

KUO SHUN

Yao Kuo était originaire du village Ta Nan Kuo situé à peu près dix-huit miles du Temple des Trois Conditions. Dès son très jeune âge, il était connu par les villageois comme vieux Yao. Il buvait, se lançait dans les jeux, prenait de la morphine et fumait de l'opium. Finalement, il en avait assez de ces poursuites vides de sens. Le vieux Yao décidait de pratiquer la voie et d'éliminer la souffrance une fois pour toutes.

A l'automne 1944, il quitta sa maison à la recherche d'un bon ami spirituel, mais malheureusement il était emprisonné par les Japonais et mis dans un camp de travaux forcés près du fleuve Amour qui forme la frontière entre

la Russie et la Mandchourie. Il n'avait jamais assez pour manger ni pour s'habiller. Le froid et la faim le tenaillaient. Il ne pensait qu'à s'évader. Mais comment faire pour passer au-dessus de la haute clôture électrique ?

Deux mois et demi passèrent, une nuit dans son rêve apparut un vieil homme à la barbe blanche : « Ne tentez pas d'évasion maintenant. Je vous ferai savoir le moment ». Lui dit-il.

Kuo Shun attendait et quinze jours plus tard, le vieil homme réapparut : « Aujourd'hui vous pouvez vous échapper, dit-il. Suivez le chien blanc ».

Kuo Shun et son partenaire saisirent leurs paillasons et coururent. Une fois dehors, ils virent un petit chien blanc qui se promenait le long de la clôture. Ils coururent jusqu'au chien jetèrent leur paillason sur le grillage et sautèrent par dessus la clôture. Le paillason de son partenaire prit feu.

Une fois dépassé la clôture, Kuo Shun courut jusqu'à l'aube, s'arrêtant de temps à autre pour reprendre son souffle bravant toutes les misères du monde. A la fin, il décida de devenir Bhikshu.

Par coïncidence, le jour de son retour à Ta Nan Kou c'était le jour même de l'arrivée du Maître dans ce village pour guérir la mère de Kao Te Fu, la droguée. La nouvelle du rétablissement miraculeux de cette dernière se répandit partout dans le village. Ayant appris la nouvelle, Kuo Shun alla directement au Temple des Trois Conditions où il rencontra le vieux Maître Ch'ang Jen et lui demanda l'autorisation de quitter la famille. Le vieux Supérieur, soupçonnant son apparition soudaine lui refusa.

Kuo Shun partit puis retourna immédiatement avec une offrande de cinq kilos de fruits. Il alla devant le Maître, s'agenouilla respectueusement. Le Maître lui tourna le dos et ne dit rien. Il sortit, deux heures plus tard, il revint Kuo Shun était toujours là, agenouillé.

Je ne vous connais pas, dit le Maître. Que voulez-vous ?

Je veux quitter la maison, dit le garçon.

Quitter la maison ? Dit le Maître. Avez-vous une

maison ?

Non, dit Kuo Shun, je suppose que je n'en ai pas.

Si vous n'avez pas de maison, comment pouvez-vous quitter la maison ? ça ne fait rien, dit le Maître, je vous accepte.

Kuo Shun était aphone de joie.

Cependant, continua le Maître, vous devriez savoir ceci : Pratiquer la voie à la maison n'est pas facile et la pratiquer en ayant quitté la maison est même plus difficile. En général, quand on prend la décision de s'engager dans un grand événement dans sa vie, on a l'impression de perdre son père ou sa mère. Et quand on s'y est engagé cette impression s'accroît encore.

Vous devriez être capable de supporter ce que les autres ne peuvent pas supporter, se rendre aux endroits où les autres ne peuvent pas se rendre, manger ce que les autres ne peuvent pas manger, endurer ce que les autres ne peuvent pas endurer, pratiquer ce que les autres ne peuvent pas pratiquer, vivre dans des endroits où les autres ne peuvent pas vivre. Soyez humble dévoué, altruiste pour servir les autres et soyez toujours sans égoïsme. Plus important :

Dans toute pensée, n'oubliez pas la douleur de la naissance et de la mort.

De tout cœur, cherchez à s'échapper de la jante de la roue tournante.

Ecrasez en morceaux l'espace vide.

Comprenez la nature de Bouddha.

Eveillez ! et le nuage de l'illusion disparaîtra.

Vous verrez la nature fondamentale.

Actuellement c'est la période de la fin du Dharma, continua le Maître. Beaucoup ont pris la voie et pourtant très rares sont ceux qui atteignent l'illumination. Puisque vous avez quitté la maison avec un cœur sincère, vous devriez avoir une détermination solide et de grands vœux. Faites naître l'esprit du Bodhi et soyez une flamme persistante qui brille puissamment au milieu des tempêtes, l'or pur dans le feu en fureur. A l'avenir, quand vous aurez achevé votre tâche, vous glorifierez l'Enseignement. (à suivre)

Nhận báo Phật pháp dài hạn

Je souhaite recevoir la revue Bouddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

1 năm / 1 an 30 € Từ số/ du N. : đến số/Au N. :

2 năm / 2 ans 55 € Từ số/ du N. : đến số/Au N. :

3 năm / 3 ans 80 € Từ số/ du N. : đến số/Au N. :

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

"Alors, je suis parti et commençais ma recherche. Je vivais dans les forêts et les grottes et n'avais rien qu'un petit peu de nourriture et beaucoup de douleur. Mais je n'ai pas encore appris comment mettre fin à la souffrance. Je me rends compte maintenant que c'est une erreur de punir mon corps comme ceci, juste comme c'était une erreur d'avoir gaspillé beaucoup de temps dans ces palais. Pour trouver la vérité, je dois suivre une voie du milieu, c'est-à-dire pas beaucoup de plaisir et pas beaucoup de douleur."

Il se souvenait qu'il y a plusieurs années, après avoir vu un homme mort, il a médité sous un pommier. "Après cette méditation," pensa-t-il, "mon esprit était très calme et paisible. J'étais capable de voir les choses nettement pour la première fois. J'essaierai de méditer comme cela à nouveau maintenant."

Mais quand il se regarda, il se rendit compte : "Je suis assis ici pendant longtemps sans aucune nourriture, je suis fatigué, sale et faible. Je suis si maigre à tel point que je peux voir mes os à travers ma peau. Comment puis-je méditer quand j'ai trop faim et soif, même pour réfléchir clairement ?"

Et alors, il se leva lentement et allait se laver dans la rivière. Il était si faible qu'il tombait et se noyait presque. Avec grand effort, il réussissait simplement à remonter sur le bord. Alors, il restait assis pendant un moment.

UNE OFFRANDE

Dans un petit village, au coin de la forêt vivaient un gardien de troupeau et sa femme Sujata. Elle venait juste de donner naissance à son premier enfant et était très heureuse. Elle prit le meilleur lait des vaches de son mari et préparait un délicieux repas à partir de cela. Ensuite, elle amena ce repas dans la forêt pour offrir aux esprits qu'elle pensait vivre là-bas. Elle avait souvent prié ces esprits et voulait leur remercier de l'avoir aidé à avoir un tel bébé en bonne santé.

Quand elle entra dans la forêt, elle voyait Siddhartha qui était assis là. Son corps était maigre et faible, mais son visage était rayonnant et beau. Sujata le contempla avec surprise. "Je n'ai jamais vu quelqu'un comme cela auparavant." Se dit-elle. "Peut-être c'est le roi des esprits de l'arbre lui-même !" Et alors elle prit la nourriture préparée spécialement et la plaça devant lui.

Siddhartha ouvrit lentement les yeux et vit le bol devant lui. En souriant calmement à Sujata, il prit le bol et commença à boire. A son grand étonnement, son corps devient de plus en plus rayonnant quand il but. Lorsqu'il eut fini, il plaça le bol par terre et remercia Sujata en disant : "Vous pensiez que j'étais un esprit, mais je suis simplement un homme qui cherche la vérité. Votre offrande m'a redonné de la force. Maintenant, je suis certain que je trouverai la vérité. Tout ce que vous avez fait aujourd'hui vous donne beaucoup de mérites. Merci beaucoup."

Les cinq hommes qui vivaient dans la forêt avec Siddhartha le voyaient accepter cette spéciale nourriture de Sujata. Ils étaient très déçus et parlaient entre eux : "Siddhartha a abandonné sa recherche. Il ne suit plus la vie sainte. Regardez, il se lave et reprend la bonne nourriture. Comment pouvons-nous rester avec un homme pareil ? Venez. Quittons cette forêt et allons à Bénarès. Nous pouvons continuer nos pratiques dans le Parc aux Cerfs, près de là-bas."

Et alors, ils s'en allaient, en pensant que Siddhartha ne s'intéressait plus à la découverte de la vérité. Mais Siddhartha reprit des forces par son repas et commença à méditer. Il était prêt maintenant à trouver ce qu'il avait recherché pendant toutes ces nombreuses années. Il se leva, passa à gué la rivière. (à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com



Học Phật thì cần phải học lòng từ bi, đạo đức, biết tha thứ cho kẻ khác. Chẳng nên sinh lòng so sánh, hơn thua, chẳng nên cùng người tranh chấp cãi vã.

Lòng cung kính sẽ biến tánh cương, ngang ngạnh thành tánh ôn hòa, nhẫn nại. Lạy Phật là lạy Phật trong tự tánh. Thành Phật cũng là thành Phật của tự tánh.

Người xưa nói: Bậc quân tử có năng lực cải tạo vận mạng. Người có đạo đức, bậc chính nhân quân tử thì có thể sửa đổi cuộc đời của họ, nhảy ra khỏi vòng số mạng. Vì sao có chuyện bất hạnh, chẳng lành? Là vì trong tâm mình có ý nghĩ xấu ác, chẳng lành. Một khi đã gieo xuống hạt giống xấu ác, thì đương nhiên sẽ gặt quả báo xấu ác. Nếu mình biết sửa lỗi, làm lành thì sẽ gặp chuyện tốt, tránh hẳn việc xấu.

Vì sao người ta gặp phải ma nghiệp? Bởi vì khi xưa họ không chịu nghe lời dạy bảo của bậc thiện tri thức, không chịu tiếp thu lời dạy dỗ của bậc thiện tri thức. Họ cứ mặc sức dấy khởi vọng tưởng, tạo đủ ác nghiệp. Do vậy giờ đây họ thường thọ ma nghiệp quấy rối triền miên. Chuyện gì làm ra cũng không được toại tâm mãn nguyện.

Muốn Phật giáo rạng rỡ, mình phải cần nhìn xa nhìn rộng. Phải làm sao truyền bá Phật giáo tới mỗi quốc gia, tới mỗi thôn xóm, thậm chí tới cả mỗi hạt bụi. Ở nơi ấy mình chuyển đại pháp luân, giáo hóa chúng sinh, khiến cho mỗi chúng sinh ai nấy đều được rời khổ, vui sướng, thoát vòng sinh tử.

Tu hành là tu cái gì? Là tu sao cho hết vọng tưởng. Hết dục vọng. Đó chính là công phu đây.

Mệnh vận của nhân sinh là do nghiệp lực chiêu cảm mà ra. Chúng ta không nên để bám chặt, thói quen dặt dắn mình, cũng đừng để dục vọng, vật chất làm mê mờ. Mình cần phải sáng tạo vận mệnh, leo lái vận mạng. Muốn sửa đổi vận mạng thì phải làm cho nhiều việc công đức. Lúc ấy, khi bạn gặp nạn tự nhiên điều lành sẽ tới. Điều dữ sẽ biến thành điều kiết tường. Rằng: Hãy làm việc tốt, chớ hỏi sẽ được kết quả gì trong tương lai.